

**TRAO ĐỔI**

## **ĐƯỜNG LÂM LÀ ĐƯỜNG LÂM NÀO ? (TÌM VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẠI SƯ KHUÔNG VIỆT NGÔ CHÂN LƯU)**

**Trần Ngọc Võng,\*  
Nguyễn Tô Lan, Trần Trọng Đông\*\***

Khuông Việt Ngô Chân Lưu (932-1011)<sup>(1)</sup> được coi là vị Tăng thống đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, vị trí của ông đối với Phật giáo Việt Nam cũng như sự nghiệp dựng nước và giữ nước trải suốt hai triều Đinh Lê đã không ngừng được khẳng định đời này qua đời khác trong các tài liệu văn hiến Việt Nam. Tuy vậy, xung quanh thân thế và sự nghiệp của ông vẫn còn rất nhiều điểm bị che mờ bởi sương khói lịch sử và sự ngộ nhận chồng chất qua các đời. Cho đến nay điểm cơ bản nhất, câu hỏi đầu tiên về con người Đại sư: “Quê hương Khuông Việt Ngô Chân Lưu ở đâu?”, vẫn còn là một vấn đề chưa thể minh giải trong một sớm một chiều.

Chúng tôi không có tham vọng chỉ qua một bài viết nhỏ có thể đưa ra kết luận cụ thể nào, chỉ mong qua việc chỉ chân các tài liệu cổ (chủ yếu là tài liệu cổ sử Việt Nam và cổ sử Trung Quốc) hòng phần nào có thể gợi mở một hướng khác trong hành trình đi tìm quê hương Đại sư Khuông Việt. Bài viết trình bày theo tuyến vấn đề, không câu nệ vào trình tự thời gian.

### **I. Giả thuyết 1: Khuông Việt Đại sư là người Cát Lợi (?)**

#### **1. Từ cơ sở sử liệu...**

Tài liệu cổ nhất ghi thông tin về Cát Lợi là *Thiền uyển tập anh* 禪苑集英 (*TUTA*) có chép: 常樂吉利鄉佛陀寺匡越大師 (初名真流) 吉利人也姓吳氏吳順帝之裔.<sup>(2)</sup> Nghĩa là: Khuông Việt Đại sư (vốn tên là Chân Lưu) chùa Phật Đà, hương Cát Lợi, Thường Lạc, người Cát Lợi. Họ Ngô, là hậu duệ của Ngô Thuận Đế. Từ đây có được 4 thông tin: 1) Đại sư tu tập ở chùa Phật Đà, hương Cát Lợi, Thường Lạc; 2) Đại sư vốn có tên tục là Ngô Chân Lưu; 3) Đại sư là người Cát Lợi. 4) Là cháu của Ngô Thuận Đế. Theo cách hành văn của *TUTA* thì câu đầu tiên bao giờ cũng chỉ nơi tu tập của nhân vật được nhắc đến, tiếp theo là tên tục (nếu có), cuối cùng là quê hương bản quán nên có thể khẳng định *TUTA* cho rằng quê hương Đại sư chính là ở hương Cát Lợi, huyện Thường Lạc như đã nhắc đến ở trên. Sau *TUTA*, địa danh Cát Lợi xuất hiện lần đầu tiên trong tài liệu thành văn Việt Nam ở *Đại Việt sử ký toàn thư* (*ĐVSKTT*): 佃匐既子范盍軍氣沮奔潰于北江吉利鄉 “Diên, Bạc đã chết. Quân Phạm Hạp mất hết khí thế, tan chạy về hương Cát Lợi ở Bắc Giang”.<sup>(3)</sup> Đến đây, đã có một địa danh Cát Lợi ở Bắc Giang. Diên cách Bắc Giang trong lịch sử khá phức tạp và có phổ khá lớn, bao gồm cả một phần

\* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

\*\* Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam.

Sơn Tây ngày nay. Có lẽ ghi chú này cùng với một số chi tiết chép trong *TUTA* như chùa Phật Đà, núi Vệ Linh, quận Bình Lỗ v.v... dẫn đến chuyện sử gia đời sau cho rằng đây chính là hương Cát Lợi mà *TUTA* đã đề cập đến và như vậy quê hương của Khuông Việt chính là tại nơi đây.<sup>(4)</sup>

## 2. ...đến giả thuyết của Hoàng Văn Lâu...

Quan điểm này đã được hiện thực hóa qua bài “Đi tìm địa chỉ Ngô Chân Lưu” viết năm 1995 của Hoàng Văn Lâu. Bài viết giới thiệu tư liệu then chốt là hai tấm bia hiện đặt ở chùa Cửa Rừng, thôn Thụy Hương, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn (ngày nay): “Tấm thứ nhất ghi niên đại Chính Hòa thứ 12 (1691), tháng 8, có tên là *Tư văn bi ký*. Phần đầu bia ghi lời khấn tiên thánh, tiên sư và các tiên hiền của xã. Nguyên văn có đoạn: ‘Cung duy: **Tiên thánh, Tiên sư** tính bản xã **Tiên hiền**: Đinh triều Quốc sư Khuông Việt, Trần triều Thái thú Trịnh quân, chỉ huy Nho Nguyễn công, tự Túc Hiền tiên sinh...’ Bia khẳng định Quốc sư Khuông Việt triều Đinh là tiên hiền của bản xã. Tấm bia do những người có chân khoa trường như Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Cao Tuấn, Nguyễn Đình Quý, những người dự giáp tư văn như Nguyễn Phú, Ngô Vĩ... Hội trưởng Nguyễn Chính, xã trưởng Nguyễn Trần Ngôn... dựng lập. Nội dung bia có đoạn (dịch): ‘Nghe rằng: Tư văn dựng hay bỏ, liên quan đến thế đạo; phong tục tốt hay xấu, gắn liền với lòng người. Ấp ta trước đây văn vật, rất hanh thông, các bậc chân Nho nối nhau ra đời. Có người quyền to như quân sư Khuông Việt, cổ vũ phong hóa ở kinh đô, có người chức trọng như vị chỉ huy Nho học, tưới nhuần mưa giáo nơi thôn xóm. Có người làm Thái thú giúp vua, có người cai trị nơi phiên trấn, cũng có người coi dân nơi phủ huyện. Trong triều, ngoài nội, cùng lúc được dùng; cha con, anh em nối nhau đỗ đạt. Dùng trong một nước thì chính sự hoàn thành; dùng ở một làng thì phong tục thuần mỹ. Chẳng những văn vật tốt đẹp mà cũng là dân phong hưng thịnh vậy!’”<sup>(5)</sup> Cuối cùng tác giả đi đến kết luận: “với hai tấm bia có niên đại cách nhau 100 năm hiện còn giữ lại được (*Tư văn bi ký* dựng năm 1691 và *Bản thôn tạo thạch bi ký* dựng năm 1792), ta có thể khẳng định: quê quán của Ngô Chân Lưu, hiệu Khuông Việt Đại sư, làm Tăng thống triều Đinh Lê, là ở thôn Đoài, xã Do Hạ, huyện Kim Hoa, phủ Bắc Hà (địa danh thế kỷ XVII-XVIII); mà trước đây, thời Đinh Lê, có tên là hương Cát Lợi”.<sup>(6)</sup>

Trong bài viết “Những văn bia ghi lại dấu tích và quê hương của Khuông Việt Đại sư” tham gia Hội thảo quốc tế *Quốc sư Khuông Việt và Phật giáo Việt Nam đầu kỷ nguyên độc lập*, Phạm Thị Thùy Vinh cũng đi theo hướng khảo cứu của Hoàng Văn Lâu. Tác giả trình bày 5 tư liệu bi ký phát hiện tại Sóc Sơn. Bia thứ nhất là *Tư văn bi ký*<sup>(7)</sup> và *Bản thôn tạo thạch bi ký*,<sup>(8)</sup> tác giả cho rằng, hai bia này cho biết “quê hương của Khuông Việt Đại sư là thôn Đoài, xã Do Hạ, huyện Kim Hoa, phủ Bắc Hà, xứ Kinh Bắc (thời Lê), nay là xã Thụy Hương, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên (thời Nguyễn) và đó chính là thôn Thụy Hương, xã Phú Cường, huyện Sóc Sơn thuộc Hà Nội ngày nay.”<sup>(9)</sup> Đây cũng là hai văn bia mà Hoàng Văn Lâu đã từng công bố. Ngoài hai văn bia trên, tác giả bài viết còn phát hiện thêm một bia tên *Danh hoạn bi ký*<sup>(10)</sup> dựng năm Bảo Đại nguyên niên (1926) đặt

tại văn chỉ huyện Kim Anh, xã Phù Xá Đông, tổng Phù Xá, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên, bia này ghi: “Đình triều Khuông Việt Đại sư Ngô Chân Lưu tiên sinh người xã Thụy Hương”.<sup>(11)</sup> Qua việc khai thác các tư liệu trên, tác giả thể hiện quan điểm đồng thuận với kết luận của Hoàng Văn Lâu. Tuy nhiên, các bia này đều là tư liệu muộn từ thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XX.

### **3. ...và các phản đề**

#### **Các cứ liệu nội chứng của TUTA mâu thuẫn với nhau**

Có lẽ uy tín quá lớn của TUTA không cho phép người ta được hoài nghi tính chân xác của nó, ngay khi thông tin về Khuông Việt Đại sư được ghi trong sách này bản thân đã chứa đựng mâu thuẫn loại trừ nhau. Câu trước như đã dẫn ghi ông là “người Cát Lợi”, ngay câu sau đã viết ông là hậu duệ của Ngô Thuận Đế.

Ngô Thuận Đế vẫn được hiểu là cách gọi tôn xưng của đời sau với Ngô Quyền.<sup>(12)</sup> Theo phả hệ họ Ngô, Khuông Việt Đại sư tên thật là Ngô Chân Lưu, là con trai cả của Thiên Sách Vương Ngô Xương Ngập (vốn có tên là Xương Tỷ), cháu đích tôn của Ngô Quyền.<sup>(13)</sup> Như vậy, nguyên quán của Ngô Chân Lưu phải là quê của cha ông, của ông nội ông. Trong khi đó, trong số các tài liệu còn lại không thấy tài liệu nào chép quê của một trong hai ông trên có dính dáng đến hương Cát Lợi, huyện Thường Lạc. Như vậy, hoặc là cả hai thông tin trên đều sai, hoặc là loại trừ lẫn nhau. Không thể xảy ra khả năng cả hai thông tin cùng đúng.

TUTA ghi chép về một hương Cát Lợi là quê của Ngô Chân Lưu, và một hương tên cũng như vậy lại được sử ký chính thống đặt về Bắc Giang thì việc đời sau mặc nhận Khuông Việt quê ở nơi đây là có thể hiểu được, nhất là việc ông tu tập tại địa phương này dường như không còn phải nghi vấn. Bỏ qua chi tiết Ngô Chân Lưu là hậu duệ của Ngô Quyền, Hoàng Văn Lâu đã đi tìm và chứng minh quê hương Khuông Việt qua việc công bố hai tấm bia tại huyện Sóc Sơn.

#### **Sẽ không còn gì để bàn luận nếu như toàn bộ sử liệu chỉ có như vậy**

Nhưng những ghi chép lịch sử nhiều khi không đơn giản một chiều. Chúng tôi đã phát hiện thêm một số tư liệu mới cho phép đưa tới một hướng suy nghĩ khác, phản biện thông tin mà Hoàng Văn Lâu đã dẫn. Những sử liệu mới phát hiện ấy, chúng tôi xin được trình bày cụ thể ở mục sau. Trước tiên, chúng tôi xin lý giải nội dung hai tấm bia mà Hoàng Văn Lâu phát hiện dưới góc độ văn bản học và tâm lý dân gian.

Thứ nhất, thời điểm dựng bia là thế kỷ XVII, XVIII, so với thời Ngô Chân Lưu là sau gần bảy trăm đến tám trăm năm. Hai tấm bia ấy được dựng tại chính địa phương mà ông dựng chùa tu hành lúc cuối đời. Đây cũng chính là nơi ông viên tịch.<sup>(14)</sup> Cho nên, suy luận theo tuyến tính: người tu hành ở Cát Lợi, hóa thân ở Cát Lợi; sinh thời từng là bậc Quốc sư, là bậc sư biểu cho cả Nho lẫn Phật, người ấy đáng được liệt vào một trong những nhân vật kiệt xuất nhất của thời đại... thế thì cái sự tự hào của Nho sĩ hậu

học, sự sùng bái tôn vinh của các tăng ni Phật tử đời sau, sự suy tôn coi Ngô Chân Lưu là Tiên hiền, Tiên thánh của Cát Lợi là điều có thể hiểu được. Hãy khoan bàn đến việc quê hương Ngô Chân Lưu thực sự ở đâu, chỉ riêng việc dùng thông tin đến 6, 7 thế kỷ về sau để xác định địa danh cho thời kỳ trước cũng là cách làm nên được cân nhắc lại.

Tuy nhiên, căn cứ vào ghi chép ngắn ngủi của *TUTA*, cũng như những cứ liệu văn bia mà Hoàng Văn Lâu và Phạm Thị Thùy Vinh công bố, có thể đi tới giả thuyết rằng: **Cát Lợi<sup>(15)</sup> có nhiều khả năng chỉ là nơi Khuông Việt Ngô Chân Lưu tu hành và viên tịch.**

Vậy quê của Đại sư thực sự ở đâu? Chúng tôi muốn chuyển hướng tìm tòi theo hướng thứ hai mà Hoàng Văn Lâu đã bỏ qua. Đó chính là thông tin Ngô Chân Lưu là hậu duệ Ngô Quyền.

## II. Giả thuyết 2: Khuông Việt là người Đường Lâm?

Nếu coi những ghi chép của *TUTA* là đúng, rằng Khuông Việt Ngô Chân Lưu là di duệ của Ngô Quyền, thì điều đó có nghĩa Đường Lâm là nguyên quán của ông. Giả thuyết này ngay từ khi thành lập đã vấp phải một trong những vấn đề nan giải nhất của cổ sử Việt Nam trước thế kỷ X.

### Đường Lâm ở đây là Đường Lâm nào?

Chúng ta đều biết địa danh Đường Lâm tại Sơn Tây ngày nay đã đi vào tiềm thức của hàng triệu người với tư cách là quê hương của Phùng Hưng và Ngô Quyền - hai vị vua lừng lẫy có công đầu trong việc giành lại quyền độc lập tự chủ của người Việt khỏi sự đô hộ của người phương Bắc. Nơi đây, còn tồn tại lăng mộ cũng như nhà thờ hai vị. Đường Lâm được coi là ngôi làng (sic) duy nhất được công nhận là quần thể di tích cấp quốc gia, được nhà nước đầu tư trọng điểm về văn hóa và du lịch. “Đất hai vua” đã trở thành danh xưng thân thuộc, trở thành đất linh thiêng, đất tông miếu, đất hương hỏa, mảnh đất tự hào của biết bao nhiêu người Đường Lâm nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung. Một ngôi làng nhưng mang vinh hiển của cả quốc gia và ngàn năm lịch sử. Điều đó gần như là chân lý không cần bàn cãi!

### 1. Đường Lâm - từ những ghi chép của sử gia triều Lê

*DVSKTT* trước nay vẫn được coi là bộ sử chính thống, quan phương, cổ nhất, có giá trị nhất may mắn còn giữ lại được. Bộ sử này là sự lũy tích văn hiến qua nhiều triều vua Lê, khởi từ các vua Lê Thái Tông, Lê Thánh Tông, mà văn bản chúng ta may còn lại được đến nay là bản in vào cuối thế kỷ XVII (1697). Bộ sử ấy có ghi mấy dòng đề cập đến địa danh Đường Lâm như sau: 姓吳諱權唐林人世為貴族父旻為本州牧 “Họ Ngô, tên húy là Quyền, người Đường Lâm, đời đời là nhà quý tộc. Cha là Mân làm chức **châu** mục ở bản **châu**”.<sup>(16)</sup>

*Thiên Nam ngữ lục*<sup>(17)</sup> - tập trường ca về lịch sử Việt Nam ra đời khoảng cuối thế kỷ XVII, ghi lịch sử từ thời Hồng Bàng tới thời Lê Trung hưng. Đây là một tác phẩm được nhiều nhà nghiên cứu dùng làm tư liệu cơ sở để đối chiếu với các sách sử cổ khác. Sách này cũng biên chép một cách

khá chừng mực như sau: “Quyền cũng **Đường Lâm** con dòng, cha làm Thái thú<sup>(18)</sup> lĩnh trong Nam thành (c. 3.141); **Đường Lâm** sinh có anh hùng, bấy chừ một đạo quân hùng trỗi hơn, Thăng Nguyễn Chính Bình Lam Sơn,<sup>(19)</sup> Ở ra những nét đa đoan hại người. Bèn bảo em là Phùng Cai, anh hùng ta cũng chỉ trai tang bồng (Phùng kỷ, c. 3.041); Cùng Dương Tam Kha toan rằng: Đường Lâm trở lại thừa chửng trong đời (c. 3.254).”

DVSKTT cũng như Thiên Nam ngữ lục khi dẫn địa danh Đường Lâm không chú rõ Đường Lâm là ở đâu đã gây lúng túng cho sử gia đời sau khi tìm hiểu quê hương của Ngô Quyền, mặt khác, điều này cũng thể hiện sự cẩn trọng của sử gia Việt Nam đối với những thông tin họ chưa thể kiểm chứng, đối chiếu, nhất là ở thời kỳ Việt Nam còn chưa có nhà nước, chưa có biên chép sử, những thông tin về thời kỳ này, phần lớn dựa vào thư tịch cổ Trung Quốc. Điểm quan trọng nhất ở đây không phải bản thân địa danh Đường Lâm mà là thông tin cha Ngô Quyền là **người Đường Lâm** và **làm chức châu mục ở bản châu**. Như thế, Đường Lâm có thể là tên một châu, mà Ngô Mân làm châu mục. Vậy, câu hỏi đặt ra là châu Đường Lâm này là châu Đường Lâm nào?<sup>(20)</sup> Nó khác gì không so với xã Đường Lâm ở Sơn Tây (ngày nay)?

## 2. Đường Lâm ở Sơn Tây: kết luận của các sử gia nhà Nguyễn thế kỷ XIX

Từ những thông tin cần trọng trong các bộ sử của triều Lê, các sử gia đời Nguyễn thế kỷ XIX đã tiến hành khảo cứu sâu hơn về địa danh này. Sự khảo cứu ấy được trình bày như dưới đây.

Nguyễn Văn Siêu (1795-1872) trong *Đại Việt địa dư toàn biên*, Địa chí loại, quyển 5, tỉnh Sơn Tây, phủ Quảng Oai, huyện Phúc Thọ, tr. 402 có viết: “Xét huyện Phúc Thọ là đất Phúc Lộc đời xưa. Cựu sử chép rằng: Đường Lâm ở huyện Phúc Lộc. (Mà) Xét *Đường địa lý* chép rằng: châu Phúc Lộc có ba huyện Nhu Viễn, Phúc Lộc và Đường Lâm. Từ Hoan Châu đi về phía đông hai ngày đến huyện Ninh Viễn (tức Nhu Viễn) châu Đường Lâm. Đi về phía nam qua sông Cổ La hai ngày đến nước Hoàn Vương... *Lịch triều hiến chương* lại chép rằng: ‘...Nhu Viễn bây giờ là huyện Gia Viễn. Đường Lâm nay là đất huyện Hoài An, huyện Mỹ Lương...’ Nay xét sử cũ chép: Bố Cái Đại Vương là Phùng Hưng. Tiên Ngô Vương Quyền đều là người Đường Lâm. Nay xã Cam Lâm, tổng Cam Giá, huyện Phúc Thọ (xã Cam Lâm trước là xã Cam Tuyền) có hai đền thờ Bố Cái Đại Vương và Tiên Ngô Vương. Còn có một bia khắc rằng: *Bản xã đất ở rừng rậm, đời xưa gọi là Đường Lâm, đời đời có anh hào. Đời nhà Đường có Phùng Vương tên húy Hưng, đời Ngũ đại có Ngô Vương tên húy Quyền. Hai vương cùng một làng, từ xưa không có. Uy đức còn mãi, miếu mạo như cũ. Niên hiệu đề là Quang Thái năm thứ 3 (Trần Thuận Tông -1390) mùa xuân tháng 2, ngày 18 làm bia này. Thì Đường Lâm là Phúc Thọ ngày nay, nên lấy sử cũ cũng như văn bia là đúng (văn bia thời Trần ở Sơn Tây). Xét lời chú trên này (của *Đường địa lý*) là thuyết sai lầm, xem *Đường thư* có một câu: ‘Phúc Lộc tiếp Hoan Châu’ có thể biết là lầm. Trí Châu có sông Trí, tức là xã Phúc Lộc đất Hà Thanh, Cầu Dinh ngày nay.<sup>(21)</sup> Nay tự đầu cõi huyện Hương Sơn đi thẳng đến thượng đạo Quảng Bình tức là châu Phúc Lộc cũ.’<sup>(22)</sup>*

*Đại Nam nhất thống chí* được Quốc Sử Quán triều Nguyễn biên soạn từ 1865 đến 1882 ghi huyện Phúc Thọ: “Đời Hán là đất huyện Mê Linh, quận Giao Chỉ; đời Lê Quang Thuận gọi là Phúc Lộc, trước lệ phủ Quốc Oai; đời Cảnh Hưng đổi lệ phủ Quảng Oai; đời Tây Sơn đổi là Phú Lộc; bản triều, đầu đời Gia Long lại đổi là Phúc Lộc; năm Minh Mệnh thứ 3 đổi tên hiện nay, thuộc phủ Quảng Oai thống hạt” và “Xét sử chép: ‘Đường Lâm ở huyện Phúc Lộc. Bó Cái Đại Vương Phùng Hưng và Tiên Ngô Vương Quyền đều là người Đường Lâm’. Nay là xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ có đền thờ Bó Cái Đại Vương và đền thờ Ngô Vương, có văn bia đại lược nói: ‘bản xã đất ở rừng rú, xưa gọi là Đường Lâm, thời thuộc Đường có Phùng Vương húy là Hưng, đến thời Ngũ đại có Ngô Vương húy là Quyền, hai vương cùng ở một ấp, việc ấy từ trước chưa có bao giờ...’ Cuối bài bia chép: ‘phụng mệnh làm văn bia năm Quang Thái thứ 3’. Như thế thì huyện Phúc Thọ xưa kia có Đường Lâm, Đường Lâm là tên xã không phải tên châu. Ngô Thì Sĩ nói: ‘Đường Lâm ở vào quãng huyện Hoài An và huyện Mỹ Lương’. *Dư địa chí* của Phan Huy Chú (1782-1840) nói: ‘Nha Viễn nay là Gia Viễn, Đường Lâm nay là đất hai huyện Hoài An và Mỹ Lương.’”<sup>(23)</sup>

Đặng Xuân Bảng (1828-1910) trong *Việt sử cương mục tiết yếu* ghi: “Tân Mùi, [791] (Đường Đức Tông, Trinh Nguyên năm thứ 7). Mùa hạ, Phùng Hưng ở Đường Lâm, Phong Châu (Đường Lâm là tên xã; nay là xã Cam Lâm, huyện Phúc Thọ, Sơn Tây, không phải là huyện Đường Lâm, châu Phúc Lộc [chú của dịch giả: nay là xã Cam Lâm, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây])”<sup>(24)</sup>

Có thể thấy dường như Nguyễn Văn Siêu là học giả đầu tiên<sup>(25)</sup> ấn định địa danh Đường Lâm thuộc về Sơn Tây, sau đó thông tin này đã được chính sử nhà Nguyễn công nhận (1882). Kể từ đây, Sơn Tây đã tồn tại như một mảnh đất hai vua. Đặng Xuân Bảng tiếp thu thành tựu của người đi trước, khi viết cuốn *Việt sử cương mục tiết yếu* ông đã chưa thêm hai chữ Phong Châu vào sau địa danh Đường Lâm. Tư liệu đáng chú ý nhất là văn bia đời Trần được Nguyễn Văn Siêu dẫn lại. Tiếc rằng, đây là một văn bia ngụy tạo như chúng tôi chứng minh ở mục “4. Đường Lâm-Sơn Tây: một chặng huyền sử thế kỷ XX” trong bài viết này.<sup>(26)</sup> Thứ hai, Nguyễn Văn Siêu đã không đặt sách mà ông gọi là *Đường địa lý*<sup>(27)</sup> (sic) đó trong hệ thống tư liệu đồng đại hữu quan quan trọng khác như *Tân Đường thư*, *Cựu Đường thư*, *Việt điện u linh*, *An Nam chí lược* v.v... (cụ thể xin xem mục 5 của phần này). Từ kết luận ban đầu của Nguyễn Văn Siêu tiến tới sự đồng thuận của các sử gia của triều Nguyễn, Đường Lâm-Sơn Tây đất hai vua, trải qua gần 150 năm nay đã trở thành chân lý, hơn nữa là tín niệm.

Người đầu tiên tỏ ý nghi ngờ về kết luận trên là học giả Đào Duy Anh trong cuốn *Đất nước Việt Nam qua các đời*, ông viết: “Chúng tôi rất nghi ngờ những ghi chú ấy và nghĩ rằng rất có thể người ta đã lầm Đường Lâm là tên huyện đời Đường thuộc châu Phúc Lộc (Phúc Lộc châu có huyện Đường Lâm) thành tên xã Đường Lâm ở huyện Phúc Thọ”<sup>(28)</sup> Sự nghi ngờ của Đào Duy Anh là khá thận trọng và tinh nhạy về cảm giác của một người lão thực trong lĩnh vực cổ sử Việt. Dưới đây, chúng tôi tiến hành khảo cứu diên cách xã Đường Lâm (huyện Phúc Lộc, Sơn Tây), để phân nào vén dần bức màn của lịch sử.

### 3. Đường Lâm-Sơn Tây: lịch sử và diên cách

Xét về địa lý, xã Đường Lâm ngày nay thuộc thành phố Hà Nội, trước đó thuộc Sơn Tây, tỉnh Hà Tây. Một dải các tỉnh Hà Tây, Phú Thọ, Vĩnh Phúc ngày nay thuộc các huyện Tây Vu, Mi Linh, Chu Diên của quận Giao Chỉ thời Tây Hán. Thời Đông Hán, chia huyện Tây Vu làm hai huyện Phong Khê, Vọng Hải. Thời Tấn, các huyện Tây Vu, Mi Linh, Chu Diên đều thuộc các quận Vũ Bình, Tân Xương.<sup>(29)</sup> Đến đời Lý thuộc phủ Đại Thông.<sup>(30)</sup> Đời Minh là huyện Long Bạt châu Đà Giang lộ Tam Giang.<sup>(31)</sup> Đào Duy Anh cũng cho một lịch trình diên cách hơi khác như sau: “**Trấn Sơn Tây**: *Cương mục* (Chb, q. 21) chú rằng: đời Đinh Lê Lý là đạo Đà Giang; đời Trần chia làm các lộ Tam Giang, Tam Đới, Quảng Oai, Quốc Oai; năm Quang Thái thứ 10 (1397) đổi lộ làm trấn; thời Lê Sơ làm các lộ Quốc Oai thượng, trung, hạ, thuộc Tây đạo; năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đổi làm thừa tuyên Quốc Oai; năm thứ 10 (1468) đặt làm thừa tuyên Sơn Tây; năm Hồng Đức thứ 21 (1490) đổi làm xứ; trong đời Hồng Thuận làm trấn; đời Nguyễn đầu đời Gia Long lệ vào Bắc Thành; năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đổi làm tỉnh Sơn Tây, trích huyện Từ Liêm lệ vào tỉnh Hà Nội, huyện Tam Nông lệ vào tỉnh Hưng Hóa... *Huyện Phúc Lộc: Nhất thống chí* (Sơn Tây) chép rằng đời Cảnh Hưng đổi lệ vào phủ Quốc Oai; đời Tây Sơn đổi làm Phú Lộc, đầu đời Gia Long đổi làm Phúc Lộc; năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) đổi làm Phúc Thọ. Hiện nay là Phúc Thọ tỉnh Hà Tây.”<sup>(32)</sup>

Ngay từ đời Lý, đã có ghi chép về việc người ở Cam Giá dâng hươu đen cho vua Lý Nhân Tông.<sup>(33)</sup> Cho tới tận đầu thế kỷ XIX, đất Cam Lâm hiện nay còn có tên là Cam Tuyên (theo *Các trấn tổng xã danh bị lãm*<sup>(34)</sup>), nhưng 60 năm sau đã thấy tên Cam Lâm xuất hiện trong *Đại Nam nhất thống chí*. Thế nhưng Cam Lâm này chữ Hán là 甘霖, chứ không phải là Lâm 林 (rừng) trong *Đường Lâm* 唐林.

Theo *Thông điển*<sup>(35)</sup> thì một dải từ Hà Nội, Bắc Ninh về phía tây đến Hà Tây, Phú Thọ khá ổn định nội thuộc Phong Châu thời Đường. Không có **châu Đường Lâm** nào trong vùng đó. Còn huyện Phúc Lộc của Sơn Tây chỉ là địa danh được lập vào đời Lê Thái Tông, cuối Lê đổi là Phú Lộc, đến đời Nguyễn địa danh này chỉ tồn tại từ năm 1803-1821, khác hoàn toàn với **châu Phúc Lộc**/hay **châu Đường Lâm** (có các huyện dưới cấp là huyện Nhu Viễn, huyện Phúc Lộc và huyện Đường Lâm) thế kỷ VII-VIII-IX (như chúng tôi chứng minh qua các sử liệu ở mục 5 dưới đây).

### 4. Đường Lâm-Sơn Tây: một chặng huyền sử thế kỷ XX

Vậy tại địa bàn hiện nay được coi như là đất phát tích của hai vua - Đường Lâm (Sơn Tây), sự cải danh đã diễn ra như thế nào trong thế kỷ XX. Vấn đề này đã được tác giả Nguyễn Tùng (Paris)<sup>(36)</sup> bàn xét khá toàn diện trong bài “Bàn thêm về quần thể làng cổ Đường Lâm” đăng trên *Thời báo Kinh tế Sài Gòn Online* ngày 23/01/2009. Có thể giản lược như sau: XÃ Đường Lâm (với tư cách là một đơn vị hành chính, dưới cấp huyện) là một tên mới đặt, bao gồm chín thôn (làng) trong đó có năm thôn cổ là Cam Thịnh, Mông Phụ, Đông Sàng, Cam Lâm và Đoài Giáp là đã được lập ra cách đây hơn 500

năm. Bốn thôn còn lại (Phụ Khang, Hà Tân, Hưng Thịnh và Văn Miếu) thì đều tách ra từ vài làng nói trên hoặc được lập ra cách đây chưa đến 200 năm. Đáng chú ý là ở thôn Cam Lâm từ mấy thế kỷ nay đã có đình thờ Phùng Hưng cũng như nhà thờ và làng Ngô Quyền. Do vậy, chính quyền xã này cũng đã dựa vào các bằng chứng đó để xin Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đổi tên từ Cam Lâm thành Đường Lâm vào ngày 21/11/1964.<sup>(37)</sup>

Tháng 8 năm 1967, trên tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* (số 101), Trần Quốc Vượng đã có một bài viết rất quan trọng để khẳng định Đường Lâm thuộc Sơn Tây.<sup>(38)</sup> Điểm thú vị ở chỗ đây là bài viết để phủ định ý kiến của Đào Duy Anh<sup>(39)</sup> và Văn Tân.<sup>(40)</sup> Tạm thời, chúng tôi không nghĩ đến những bối cảnh thâm kín của bài viết trên. Có thể coi đây là tiếng nói quan trọng nhất lúc bấy giờ để ra phán quyết cuối cùng về vấn đề này.

Cứ liệu quan trọng nhất mà Trần Quốc Vượng đưa ra là tấm bia mà ông gọi là “Bia Đường Lâm” có niên đại 1390 niên hiệu Quang Thái đời Trần. Bia tên là *Phụng tự bi* 奉祀碑, ký hiệu 36002 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm), bia hiện đặt tại đền thờ Phùng Hưng (Sơn Tây). Tấm bia này đáng tiếc lại là một bia ngụy tạo vào đời sau. Thế nhưng hàng loạt các nhà sử học từ Nguyễn Văn Siêu cho đến Trần Quốc Vượng, Nguyễn Minh Tường,<sup>(41)</sup> Vũ Duy Mên...<sup>(42)</sup> đều bị văn bản này đánh lừa [!],<sup>(43)</sup> trừ Nguyễn Tùng - một nhà sử học cư trú tại nước ngoài.<sup>(44)</sup> Dưới đây, chúng tôi xin nêu sơ lược kết quả giám định của mình về văn bản ngụy tạo<sup>(45)</sup> này:

Thứ nhất, về mặt thư pháp và văn tự học, chữ khắc trên văn bia đều là lối chữ chân nhỏ nhắn, quy củ và chuộng kỹ của triều Nguyễn, khác hẳn với thư pháp đời Trần qua một số văn bia thời này như thư pháp của Trương Hán Siêu.<sup>(46)</sup>

Thứ hai, nét khắc của bia rất sắc nét, gần như không có chữ nào mờ. Lòng nét khắc vẫn theo đao bút hình chữ “v”, chứng tỏ văn bản mới chỉ khắc trong vòng 200 năm trở lại đây.

Thứ ba, về địa danh học, văn bia này dù cố gắng ngụy tạo, nhưng vẫn vô tình để lại tên địa danh thời Nguyễn. Dòng đầu của bia ghi: 國威府福祿縣甘泉社 “Quốc Oai phủ, Phúc Lộc huyện, Cam Tuyền xã”,<sup>(47)</sup> dòng trên đồng thời cũng được khắc trên bia *Phụng tự bi ký* 奉祀碑記 được khắc năm Tự Đức thứ 4 (1851).<sup>(48)</sup> Qua khảo chứng về diên cách địa danh hành chính của Đào Duy Anh<sup>(49)</sup> thì đây có khả năng là bia ngụy tạo vào đời Gia Long hoặc đầu thời Minh Mệnh, vì đến năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) Phúc Lộc đã đổi làm Phúc Thọ.<sup>(50)</sup>

Thứ tư, về mỹ thuật, bia có cùng một phong cách với nhiều bia hậu đời Nguyễn: không có trang trí diềm, trán gần như để trơn, hoa văn chỉ có mặt nhạt nét mảnh và tia lửa yếu ớt.

Thứ năm, về quy mô, văn bia này được dựng ở cấp độ thôn xóm, cho nên rất khiêm tốn về mặt kinh phí, điều này thể hiện qua dáng vóc xinh xắn và khiêm nhường của bia: chiều cao 54cm, rộng ngang 35cm, tức là không bằng một tờ báo *Nhân dân* trải rộng. Điều này cho thấy, bia được dựng nằm ngoài điển lệ của triều đình. Điểm này làm rõ hơn động cơ của



dòng niên đại “Quang Thái thứ 3” trong văn bia. Ngoài hai bia ấy, xã Đường Lâm hiện còn bia *Sắc kiến Tiên Ngô Vương lăng* 敕建前吳王陵, niên đại của bia này là Tự Đức thứ 27 (1874),<sup>(51)</sup> phong cách chữ viết cứng cáp và tú lệ hơn hai bia kia rất nhiều. Chứng tỏ người viết là bậc đại bút lại ở trong Bộ Lễ triều đình. Dáng vóc và quy mô của bia chính thống được nhà nước dựng cũng khác hẳn “bia Đường Lâm”.

Thứ sáu, về trật tự chữ, chữ viết trên gạch bia đều ngang từ trái sang phải, trong khi gạch bia đời Trần thường là sắp chữ dọc.

Tất cả các dấu hiệu trên cho thấy văn bia đang xét được dựng vào đầu đời Nguyễn.

Đến đây, chúng ta có thể xâu chuỗi các sự kiện như sau: 1) Bia ngụy tạo vào quãng 1802 đến 1821; 2) Dựa vào bia này Nguyễn Văn Siêu đã khẳng định Cam Lâm vốn là Đường Lâm, quê của hai vua Phùng Hưng và Ngô Quyền; 3) Vua Tự Đức đã sai Bộ Lễ công nhận đây là di tích cấp “quốc gia” và ban “sắc kiến” vào năm 1874; 4) Sau đó, “đất hai vua” chính thức được đưa vào chính sử vào năm 1882; 5) Đặng Xuân Bảng cẩn thận hơn nữa đã chú Đường Lâm thuộc về Phong Châu.<sup>(52)</sup> Nhầm lẫn của triều đình và các sử gia trong thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX là có thể chấp nhận được, khi các quan biên tu triều Nguyễn không có quá nhiều thời gian và điều kiện để trực tiếp khảo sát tại địa phương, mà phần lớn các tư liệu đều do hệ thống nha lại các cấp ở dưới đưa lên. Tuy nhiên, ở hai thế kỷ sau đó, việc vô tình hay hữu ý, bất cập ở chuyên môn hay sự khéo léo trong câu chữ của các nhà làm sử đã viết tiếp trang huyền sử thời hiện đại cho mảnh đất này.

Trở lại với phương pháp của Trần Quốc Vượng, nếu như bia *Phụng tự bi* đúng là bia Quang Thái đời Trần, thì ông đã dùng sử liệu cấp hai để phủ định các sử liệu cấp một được viết vào đời Đường (như trên đã nêu). Mặc dù ông biết rất rõ rằng: “Theo các sử cũ, quả thật ở thời thuộc Đường (thế kỷ VII-X) miền đất nước ta có huyện Đường-lâm (đầu đời Đường là châu Đường-lâm rồi đổi thành quận Đường-lâm) thuộc châu Phúc-lộc (có cả huyện Phúc-lộc) thuộc phía nam tỉnh Hà-tĩnh ngày nay.”<sup>(53)</sup> Trong trường hợp văn bia đó là văn bia ngụy tạo vào đầu đời Nguyễn như chúng tôi đã chứng minh ở trên thì Trần Quốc Vượng đã dùng một sử liệu ngụy tạo để phủ định các sử liệu cấp một. Trong bài “Đường Lâm dưới góc nhìn địa-văn hóa-lịch sử”, Trần Quốc Vượng viết: “Có một chuyện, thật như bịa, bây giờ nghe ra thì khá buồn cười: Một số nhà nghiên cứu căn cứ vào cái tên Phúc Lộc bảo ở Hà Tĩnh xưa có huyện Phúc Lộc, có lẽ quê hương Ngô Quyền ở đó. Đầu thập niên 60 của thế kỷ trước, kẻ ngu hèn này mới ở độ tuổi hai mươi đã phải viết một bài được cụ Trần Huy Liệu cho đăng trên *Nghiên cứu Lịch sử*, đầu đề là “Về quê hương Ngô Quyền” có hai trang để cải chính là quê hương Ngô Quyền ở Sơn Tây, nơi đó còn đền và lăng Ngô Quyền. Ý kiến này được tiếp thu ngay.”<sup>(54)</sup> Trên thực tế, lăng Ngô Quyền còn ở một số địa phương khác như Hưng Yên, Hải Phòng, Hà Tây cũ, Thanh Hóa; còn đền thờ các vị Phùng Hưng, Ngô Quyền thì có ở khắp nơi, hiện chưa có con số thống kê cụ thể. Mặt khác, các lăng mộ, đền thờ các nhân vật lịch sử này ở Đường Lâm có niên đại khá muộn. Sự công nhận của chính sử nhà Nguyễn cộng với tín niệm dân gian trải qua gần 200 năm, đã khiến

cho bao nhiêu huyền tích đẹp để cho mảnh đất hai vua được thêu dệt nên. Có vẻ như các nhà sử học Việt Nam thế kỷ XX-XXI, khởi từ Trần Quốc Vượng, đã coi di tích, huyền tích, sử liệu đời Nguyễn, cũng như niềm tin dân gian là bốn cứ liệu quan trọng nhất để đưa ra quyết định cuối cùng. Đặt dấu chấm hết cho những tranh luận trên phương diện cổ sử là việc cải tên xã Cam Lâm thành Đường Lâm khiến địa danh này trùng khít hoàn toàn với quá khứ 1.000 năm trước về mặt danh xưng.

Tóm lại, tổng hợp sự khảo cứu về diên cách Đường Lâm-Sơn Tây của chúng tôi với kết quả nghiên cứu thực địa của Nguyễn Tùng, tạm thời có thể đi đến nhận định rằng: **Trong suốt chiều dài lịch sử hai ngàn năm từ đời Hán cho đến năm 1964, xã Đường Lâm dường như chưa bao giờ có tên là Đường Lâm.**

### 5. Châu Đường Lâm (Phúc Lộc) qua tư liệu cổ sử

Đối với người làm công tác nghiên cứu lịch sử và nhất là nghiên cứu văn bản học chuyên sâu, những nghi ngờ đã le lói đâu đó trong các chuyên luận hay bài viết (có thể kể đến công trình của GS Đào Duy Anh,<sup>(55)</sup> Văn Tân<sup>(56)</sup> hay Bùi Văn Nguyên,<sup>(57)</sup> Nguyễn Huệ Chi<sup>(58)</sup> v.v...), đã để lại nhiều gợi mở cho người đi sau tiếp tục tìm hiểu và giải mã. Với việc công nhận thông tin Khuông Việt Ngô Chân Lưu là hậu duệ của Ngô Thuận Đế (Ngô Quyền), thì đương nhiên quê hương Đại sư ắt là quê hương của tổ tiên ông, gần thì ông nội Ngô Quyền, xa hơn chút là cụ nội Ngô Mân là ở **châu Đường Lâm**. Dưới đây, chúng tôi tiến hành khảo sát sơ bộ các tài liệu cổ sử Việt Nam và Trung Quốc về địa danh này với tư cách một đơn vị hành chính là châu.

#### 5.1. Châu Đường Lâm qua cổ sử Việt Nam



An Nam chí lược  
ghi nhận Ngô Quyền là người Ái Châu

Ngập với em Xương Tuấn kế noi ông”. Đến đây, thiết nghĩ cũng nên “điểm” qua vài nhân vật lịch sử có quê ở **châu Đường Lâm**.

Sách *An Nam chí lược* ghi: “Kịp thời Ngũ đại, các người thổ hào ở các châu Giao, Ái là Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ, Kiều Công Tiễn... thay nhau dùng võ lực cướp quyền.”<sup>(60)</sup> Sách này cũng ghi: 楊廷藝愛州人 “Dương Đình Nghệ: người châu Ái”.<sup>(61)</sup> Lại chép: “Niên hiệu Thiên Phúc nhà Tấn năm thứ 2

Sử Tào không chép “trực tiếp” về quê hương của Ngô Quyền cũng như các cụ tổ nhà Ngô Chân Lưu. Khảo xét thư tịch cổ Việt Nam thì tài liệu đáng lưu ý nhất là *An Nam chí lược*<sup>(59)</sup> của Lê Tắc soạn năm 1335 có ghi như sau: 五季間愛州人吳權領交阯 “Qua đời Ngũ-đại (907-959), người đất Ái-châu là Ngô Quyền, chiếm giữ quận Giao-chỉ”. Sách này một đoạn khác ghi: 吳權愛州人廷藝牙將也殺公羨而自立子昌岌弟昌濬繼之. Nghĩa là: “Ngô Quyền: người châu Ái, nha tướng của Đinh Nghệ, giết Công Tiễn, tự lập làm vua, con là Xương

(Ngụy Hán, Đại Hữu thứ 10) (937), Ngô Quyền cử binh Ái Châu vây Công Tiên,<sup>(62)</sup> lại chép: “Ngô Quyền, người châu Ái, nha tướng của Đinh Nghệ, giết Công Tiên, tự lập làm vua.”<sup>(63)</sup> Cũng ghi 黎桓愛州人有志畧得志丁璉委以兵權因篡丁氏自稱交州三使 “Lê Hoàn người Ái Châu, có chí lược, được Đinh Liễn giao binh quyền, nhân soán ngôi họ Đinh, tự xưng Giao Châu Tam sứ”.

*An Nam chí lược* quyển 1 mục *Cổ châu danh* có ghi nhận châu Đường Lâm: 古州名峯州吳曰新昌長州武峩州唐林州. Nghĩa là: “Tên các châu cổ: Phong Châu (đời Ngô là Tân Xương), Trường Châu, Vũ Nga châu, Đường Lâm châu”.<sup>(64)</sup> Nhiều ý kiến cho rằng có lẽ ghi chép này đúng bởi soạn giả Lê Tắc sống vào thế kỷ XIII, lại là người cùng quê,<sup>(65)</sup> khả năng chính xác là cao.<sup>(66)</sup>

Sách *Việt điện u linh tập* do Lý Tế Xuyên soạn năm 1329: 按趙公交州記. 王姓馮名興. 世為唐林州夷長. 號郎官. 王豪富有勇力. 能搏虎...王用唐林人杜英翰之計. 以吳兵襲唐林州<sup>(67)</sup> “Xét sách *Giao châu ký* của Triệu công, Vương họ Phùng tên Hưng, đời đời làm di trưởng châu Đường Lâm, hiệu là Quan lang. Vương giàu có, lại có dũng lực, có thể đánh hổ... Vương dùng kế của người châu Đường Lâm là Đỗ Anh Hàn, đem quân Ngô đi đánh châu Đường Lâm.”

Như vậy, các ghi chép về châu Đường Lâm qua hai thư tịch được coi là cổ nhất còn lại do người Việt biên soạn là *An Nam chí lược* và *Việt điện u linh tập*, chúng ta bước đầu có một sự mừng tượng như sau về mảnh đất này. Châu Đường Lâm (xuất nhập hoặc cận kề với châu Ái) vào thế kỷ VIII-IX là nguyên quán của hàng loạt các thủ lĩnh như Phùng Hưng, Khúc Hạo, Dương Đình Nghệ (con là Dương Tam Kha), Kiều Công Tiễn, Ngô Quyền (con: Ngô Xương Văn, Ngô Xương Ngập; cháu: Ngô Chân Lưu, Ngô Xương Xí, Ngô Nhật Khánh). Ngoài ra, còn có Đinh Bộ Lĩnh đóng đô ở Hoa Lư (thuộc Thanh Hoa ngoại trấn sau này). Trần Công Lãm cũng là một sứ quân từng chiếm cứ Đường Lâm.<sup>(68)</sup> Thêm nữa, Lê Hoàn là người Trường Châu (cũng thuộc Thanh Hóa). Điểm diện để “cắm cờ” cho các quân doanh và địa bàn hoạt động thì có thể thấy những mối liên hệ về gia tộc, hôn nhân, quyền lực, tôn giáo của các thế lực này, từ đó có thể vạch ra một sơ đồ tổng quan hệ của các nhân vật lịch sử. Cho nên, vùng Ái Châu, Trường Châu, Hoan Châu và châu Đường Lâm xưa có thể coi là trung tâm chính trị của nước ta vào giai đoạn đó. Vấn đề này đến nay dường như chưa được quan tâm đúng mức, cần có những khảo sát sâu hơn, rộng hơn và nhiều chiều hơn nữa.<sup>(69)</sup> Tạm không nêu ở đây.

## 5.2. Châu Đường Lâm qua cổ sử Trung Hoa

Khảo thư tịch cổ Trung Quốc đồng đại và hậu đại, có một số thông tin về **châu Đường Lâm-Phúc Lộc** như sau.<sup>(70)</sup>

*Thông điển* 通典 do Đỗ Hữu 杜佑 (735-812) đời Đường soạn xong năm 801, quyển 184 ghi (trích dịch):

“Quận Phúc Lộc, phía đông... phía nam... phía tây... phía bắc... phía đông nam... phía tây bắc... phía đông bắc... cách Tây Kinh...<sup>(71)</sup> cách Đông Kinh...<sup>(72)</sup> hộ... người... **Châu Phúc Lộc**, sở trị ở huyện An Viễn. Đất đai giống với quận Cửu Chân. Nhà Đại Đường đặt ra châu Phúc Lộc, hoặc là quận Phúc Lộc. Lĩnh hai huyện: Nhu Viễn. Đường Lâm. **Quận Văn Dương**,

phía đông... phía nam... phía tây... phía bắc... phía đông nam... phía tây nam... phía tây bắc... phía đông bắc... Cách Đông Kinh... cách Tây Kinh... Sáu trăm mười ba hộ, ba nghìn bốn mươi người. **Trường Châu**, sở trị ở huyện Văn Dương. Đất đai giống với quận Cửu Chân. Nhà Đại Đường đặt ra Trường Châu, hoặc là quận Văn Dương. Lĩnh bốn huyện: Đồng Thái, Trường Sơn, Kỳ Thường, Văn Dương. **Quận Nhật Nam**, phía đông đến địa giới quận Phúc Lộc một trăm dặm. Phía nam đến địa giới quận La Phục một trăm năm mươi dặm. Phía tây đến địa giới nước Hoàn Vương tám trăm dặm. Phía bắc đến địa giới quận Cửu Chân sáu trăm dặm. Phía đông nam đến biển một trăm năm mươi dặm. Phía tây nam đến địa giới quận Đường bốn trăm dặm. Phía tây bắc đến sông Linh Bạt bốn trăm bảy mươi dặm. Phía đông bắc đến quận Lăng Thủy năm trăm dặm. Đi Tây Kinh theo đường bộ một vạn hai nghìn bốn trăm năm mươi dặm, đường thủy một vạn bảy nghìn dặm. Cách Đông Kinh đường bộ một vạn năm trăm chín mươi dặm, đường thủy một vạn bảy nghìn hai trăm hai mươi dặm. Chín nghìn sáu trăm mười chín hộ, năm vạn ba nghìn tám trăm mười tám người”.

*Cựu Đường thư* 舊唐書 do người thời Hậu Tấn là Lưu Hú 劉昫 (887-946) khởi soạn vào năm 945, quyển 41 ghi (dịch):

“Đạo Lĩnh Nam, châu Phúc Lộc: Đất đai phong tục giống với đất quận Cửu Chân, sau bị người Sinh Liâu chiếm. Năm thứ ba niên hiệu Long Sóc (663), Trí Châu Thứ sử Tạ Pháp Thành chiêu dụ bảy nghìn lạc<sup>(73)</sup> dân thổ Côn Minh, Bắc Lô.<sup>(74)</sup> Năm Tổng Chương thứ hai (669), đặt ra châu Phúc Lộc để cai trị họ. Năm đầu niên hiệu Thiên Bảo đầu tiên (742), đổi làm quận Phúc Lộc. Năm thứ hai niên hiệu Chí Đức (757), đổi làm quận Đường Lâm. Năm đầu tiên niên hiệu Càn Nguyên (758), đặt lại làm châu Phúc Lộc. Lĩnh hai huyện, không tính số hộ, người và số dặm đường đến hai kinh đô, bốn phía đến châu quận. **Nhu Viễn**: sở trị của châu, cùng lập ra với châu, vốn tên là An Viễn, năm thứ hai niên hiệu Chí Đức, đổi tên là Nhu Viễn vậy. **Đường Lâm.**”

*Cựu Đường thư*, quyển tứ thập nhất khảo chứng: “Châu Phúc Lộc lĩnh một huyện Nhu Viễn. Nay mới chép thêm hai huyện Đường Lâm, Phúc Lộc.”

*Thái bình hoàn vũ ký* 太平寰宇記 (quyển 171), soạn vào đời Tống Thái Tông trong những năm Thái Bình Hưng Quốc (976-983) ghi (dịch): “**Phúc Lộc châu** (Phúc Lộc quận): nay sở lý ở huyện An Viễn, đất đai và phong tục gần với quận Cửu Chân, sau bị dân Sinh Liâu chiếm cứ. Đời Đường, năm Long Sóc thứ hai (662), Trí Châu Thứ sử Tạ Pháp Thành chiêu dụ võ về được dân miền núi là Côn Minh, Tỷ Lô<sup>(75)</sup> vân vân hơn bảy ngàn lạc. Năm Tổng Chương thứ 3 (670) đặt châu Phúc Lộc để cai quản dân này. Năm Thiên Bảo thứ nhất, cải làm quận Phúc Lộc. Năm Chí Đức thứ 2 (757), cải làm **quận Đường Lâm**. Năm Càn Nguyên thứ nhất (758), cải lại làm châu Phúc Lộc. Châu này vốn lĩnh ba huyện là Nhu Viễn, Đường Lâm, Phúc Lộc. Thổ sản: cống bạch lạc (sáp trắng), tử phi,<sup>(76)</sup> sừng tê, và nhiều thứ lạ không biết tên. Huyện Nhu Viễn một hương: vốn tên là An Viễn, đời Đường, năm Chí Đức thứ 2 (757) cải làm Nhu Viễn. Đường Lâm huyện một hương. Phúc Lộc huyện một hương. Trở lên là ba huyện được đặt ra cùng với châu.

<p>舊唐書卷四十一考證</p>	<p>欽定四庫全書</p> <p>唐書</p> <p>卷四十一</p> <p>福祿州領柔遠一縣○新書多唐林福祿二縣<small>以上疏南道</small></p>	<p>欽定四庫全書</p> <p>唐書</p> <p>卷四十一</p> <p>柔遠縣一鄉 已上三縣與州同置</p>	<p>唐林縣一鄉</p> <p>貞觀六年改為邕州○新書多止戈一縣</p> <p>貞觀元年改為容州○新書作貞觀八年</p> <p>白州龍巖縣武德四年析合浦置○新書龍巖屬順州</p> <p>馬州扶桑縣武德四年置○新書作扶桑以扶桑水名</p> <p>之應從新書</p> <p>兗州又分隆安立救山建道都攝三縣○都攝新書作都攝</p>	<p>元領無三</p> <p>柔遠 唐林 福祿</p> <p>土產</p> <p>貢白蠟 紫鮮 騏驎竭 無名異</p> <p>柔遠縣一鄉州理本名安遠唐至德二年改為柔遠</p>	<p>福祿州</p> <p>福祿州福祿郡今理安遠縣土俗同九真郡之地後為生獠所據唐龍朔三年智州刺史謝法成招慰生獠昆明北樓等七千餘落總章二年置福祿州以處之天寶元年改為福祿郡至德二年改為唐林郡乾元元年復為福祿州</p>
------------------	---	---	--	---	--

Cựu Đường thư, quyển tứ thập nhất khảo chứng.

Thái bình hoàn vũ ký, quyển 171.

<p>欽定四庫全書</p> <p>唐書</p> <p>卷四十一</p> <p>福祿州故名土貢白蠟紫鉞戶三百一十七縣三柔遠</p> <p>大足元年更名安武州至德二載更郡曰唐林乾元</p> <p>成招慰生獠昆明北樓等七千餘落以故唐林州地置</p> <p>福祿州唐林郡下本福祿郡總章二年智州刺史謝法</p>	<p>本安遠至德</p> <p>唐林 唐初以唐林安遠二縣置</p> <p>唐林 唐初以唐林安遠二縣置</p> <p>福祿 唐初以唐林安遠二縣置</p>
--	---

Tân Đường thư, quyển 43 thượng.

Tân Đường thư 新唐書 do Âu Dương Tu 歐陽修 và Tống Kỳ 宋祁 biên soạn năm 1060, quyển 43 thượng ghi (dịch): “Quận Đường Lâm của châu Phúc Lộc, vốn là quận Phúc Lộc, năm thứ hai niên hiệu Tổng Chương (669), Trí Châu Thứ sử là Tạ Pháp Thành chiêu dụ hơn bảy nghìn lạc người thổ Côn Minh, Bắc Lâu, cho nên đất Đường Lâm đặt ra. Năm đầu tiên niên hiệu Đại Túc đầu tiên (701) đổi tên là châu An Vũ, năm thứ hai niên hiệu Chí Đức (757) đổi thành quận đặt tên là Đường Lâm, năm đầu tiên niên hiệu Càn Nguyên (758), đặt lại tên châu như cũ. Đồ cống nạp của đất này: bạch Lạp, tử cốc. Ba trăm mười bảy hộ. Ba huyện: Nhu Viễn, vốn là huyện An Viễn, năm Chí Đức thứ hai đổi tên; Đường Lâm, đầu thời Đường lấy hai huyện Đường Lâm, An Viễn đặt ra châu Đường Lâm, sau châu, huyện đều bỏ, đổi đặt lại; Phúc Lộc.”

Tân Đường thư, quyển 43 hạ (dịch): “Đạo Lĩnh Nam: Một đường từ phía đông Hoan Châu<sup>(77)</sup> đi hai ngày, đến huyện An Viễn của châu Đường Lâm, đi về phía nam qua sông Cổ La, đi hai ngày đến sông Đản Động của nước Hoàn Vương.<sup>(78)</sup> Lại đi bốn ngày đến Chu Nhại.<sup>(79)</sup> Lại đi qua Đản Bồ Trấn, đi hai ngày đến thành nước Hoàn Vương, thời Hán xưa gọi là đất quận Nhật Nam vậy.”

Dư địa quảng ký 輿地廣記, do Âu Dương Văn 歐陽忞 soạn vào đời Tống Huy Tông trong những năm Chính Hòa (1111-1117), quyển 38 có đoạn: 福祿州自隋以前地理與福祿郡同後為生獠所據唐龍朔三年智州刺史謝法成招慰生獠昆明北樓及生獠等七千餘落總章二年置福祿州以處之天寶元年改為福祿郡至德二載改為唐林<sup>(80)</sup>郡乾元元年復為福祿郡. Nghĩa là: “...châu Phúc Lộc từ đời Tùy về trước, địa lý cùng như quận Phúc Lộc, sau bị dân thổ chiếm. Đời Đường, năm

福祿郡  
 年改為福祿郡至德二載改為唐杜郡乾元元年復為  
 生獠等七千餘落總章二年置福祿州以處之天寶元  
 唐龍朔三年智州刺史謝法成招慰生獠昆明北樓及  
 下福祿州自隋以前地理與福祿郡同後為生獠所據  
 二載改縣曰寧海

Dư địa quảng ký, quyển 38.

Long Sóc thứ 3, Trí Châu Thứ sử Tạ Pháp Thành úy lạo hơn bảy ngàn lạc dân thổ Côn Minh, Bắc Lôu. Năm Tổng Chương thứ 2 đặt châu Phúc Lộc để quản dân ấy. Năm Thiên Bảo thứ nhất, đổi làm quận Phúc Lộc. Năm Chí Đức thứ 2 đổi làm Đường Lâm quận. Năm Kiên Nguyên thứ nhất lại đổi thành Phúc Lộc quận.”

Đại sự ký 大事記 do Lã Tổ Khiêm 呂祖謙 (1137-1181) đời Tống soạn, quyển 12 có đoạn (dịch): “Giao Chỉ, nay là nước An Nam: Giao Châu, Phong Châu là đất Lục châu xưa. Quận Cửu Chân nay vốn là đất của châu Ái, châu Hoan, châu Trường, châu Diên, châu Sơn, **châu Phúc**

漢屬零陵 德慶摩慶府之地鬱林郡今鬱林漢屬鬱林合浦  
 二邕融象海貴柳賓橫州之地合浦郡今南恩新容  
 高化雷欽廉州之地交趾今安南國交峯陸州之地  
 欽定四庫全書  
 九真郡今化外愛羅長演山福祿州之地日南郡今  
 化外林景州之地朱崖郡今朱崖萬安軍瓊州之地  
 儋耳郡今昌化軍之地  
 西南夷反遣中郎將郭昌街廣擊滅之以為武都牂牁  
 越雋沈黎文山郡

Đại sự ký, quyển 12.

**Lộc** xưa. Quận Nhật Nam nay vốn là đất của châu Lâm, Cảnh. Quận Chu Nhai nay vốn là đất của Chu Nhai, Vạn An, Quân, Quỳnh châu xưa”

郡地梁置龍州隋屬沈陵郡唐武德七年置龍  
 標縣貞觀八年置五州折龍標置夜郎朗溪恩徽  
 三縣屬州九年省恩徽十三年李弘節開夷獠置  
 古州崇興郡總章二年智州刺史謝法成招慰生  
 獠以故唐林州地置福祿州天授二年改五州曰  
 沅州折夜郎置渭溪縣長安四年分夜郎渭溪置  
 舞州先天元年折龍標置潭陽縣開元十三年復  
 改沅州為五州大曆五年改五州為叙州隸黔中  
 採訪使古州福祿州俱隸嶺南採訪使唐末皆沒

Quý Châu thông chí, quyển 3.

Quý Châu thông chí 貴州通志, do Trần Quân (? - ?) người đời Minh biên tập, quyển 3 ghi (dịch): “Năm Tổng Chương thứ 2, Trí Châu Thứ sử Tạ Pháp Thành úy lạo dân thổ, cho nên châu Đường Lâm được đặt ra... châu Cổ và châu Phúc Lộc đều thuộc Lĩnh Nam, tìm trong sử thấy cuối đời Đường đều mất về tay người man.”<sup>(81)</sup>

Độc sử phương dư kỷ yếu 讀史方輿紀要 do người đời Thanh là Cố Tổ Vũ 顧祖禹 soạn trong 30 năm, hoàn tất năm 1692, quyển 112 ghi (dịch): “**Thành Phúc Lộc** tại phía tây nam phủ. Giữa năm Vũ Đức thời Đường đặt ra **châu Đường Lâm** ki mi vậy. Đầu năm Trinh Quán bỏ. Năm thứ hai niên hiệu Tổng Chương, Trí Châu Thứ sử Tạ Pháp Thành chiêu dụ hơn bảy nghìn lạc dân thổ Côn Minh, Bắc Lôu, cho nên đất châu Đường

Lâm đặt ra châu Phúc Lộc. Năm đầu tiên niên hiệu Đại Túc, đổi tên là châu An Vũ. Đầu năm Thân Long, đặt lại như cũ. Đầu năm Thiên Bảo, gọi là quận Phúc Lộc. Năm thứ hai niên hiệu Chí Đức, đổi tên là **quận Đường Lâm**. Đầu năm Càn Nguyên, vẫn đặt ra châu Phúc Lộc. Sau đó bỏ. Lại bỏ huyện Tang Viễn, là sở trị của châu Phúc Lộc thời Đường vậy, vốn tên là An Viễn, năm thứ hai niên hiệu Chí Đức, đổi tên là Tang Viễn; kiêm lĩnh hai

**huyện Đường Lâm**, Phúc Lộc. Bỏ Trường Châu, gần với **châu Phúc Lộc**, lĩnh bốn huyện Văn Dương, Đồng Thái, Trường Sơn, Kỳ Thường, cũng gọi là quận Văn Dương, sau bị người man bỏ”.

Còn khá nhiều sử liệu đời sau khác cũng biên chép về châu Đường Lâm-Phúc Lộc nhưng phần lớn dẫn dụng các tài liệu cổ sử như đã nêu trên, vì vậy chúng tôi không trình bày tiếp ở đây.

Tổng hợp sử liệu đã nêu, có thể tạm thời nhận xét rằng: Đường Lâm/Phúc Lộc là tên một đơn vị hành chính là châu (trong đó gồm ba huyện Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc, lại có thêm thành Phúc Lộc), được thành lập trong khoảng những năm Vũ Đức (từ 619-627 đời nhà Đường), đến sau đời Đường địa danh này bị bỏ. Nguyên do là Đường Lâm nằm gần Trường Châu,<sup>(82)</sup> hai vùng này sau bị người miền núi chiếm cứ không thuộc sự quản lý của nhà Đường. Sau này không thấy khôi phục lại nữa. Theo *Độc sử phương dư kỷ yếu* thì Đường Lâm thuộc tây nam châu Ái (vào đời Đường không thuộc châu Ái nhưng phong tục thì tương đồng). Dân cư châu Đường Lâm/Phúc Lộc tuyệt đại đa số là người bản địa gồm các dân Côn Minh, Bắc Lâu/Tỷ Lâu,<sup>(83)</sup> do các tù trưởng nắm giữ,<sup>(84)</sup> khu vực này cũng có dân Bắc,<sup>(85)</sup> có hộ khẩu,<sup>(86)</sup> nhưng đóng thuế rất ít, chủ yếu là lâm thổ sản.

Có vẻ như *ĐVSKTT* cũng căn cứ vào cổ sử Trung Quốc để liên kết hai địa danh Phúc Lộc và Đường Lâm khi chú giải cho sự kiện Phùng Hưng nổi dậy: 辛未唐貞元七年春安南都護府高正平為政重斂夏四月交州唐林人唐林在福祿縣馮興起兵圍府政平以憂子先是馮興豪富有勇力能排牛搏虎於唐代宗大曆中因交州亂與其弟駭相率復諸隣邑興號都君駭號都保與正平相攻久不能克至是用. Nghĩa là: “Tân Mùi [791], (Đường Trinh Nguyên năm thứ 7). Mùa xuân, An Nam đô hộ phủ là Cao Chính Bình làm việc quan bắt dân đóng góp nặng. Mùa hạ, tháng 4, người ở Đường Lâm thuộc Giao Châu (**Đường Lâm thuộc huyện Phúc Lộc**) là Phùng Hưng dấy binh vây phủ. Chính Bình lo sợ mà chết. Trước đây Phùng Hưng vốn là nhà hào phú, có sức khỏe, có thể vật trâu, đánh hổ. Khoảng niên hiệu Đại Lịch (766-780) đời Đường Đại Tông, nhân Giao Châu có loạn, cùng với em là Hải hàng phục được các ấp bên cạnh, Hưng xưng là Đô quân, Hải xưng là Đô bảo, đánh nhau với Chính Bình, lâu ngày không thắng được.”<sup>(87)</sup> Ghi chép trên của *ĐVSKTT* nói một cách chính xác quê Phùng Hưng là ở huyện Đường Lâm châu Phúc Lộc.<sup>(88)</sup> Tuy vậy, *Cựu Đường thư*, *Tân Đường thư* ghi: 柔遠縣一鄉... 唐林縣一鄉, 福祿縣一鄉, 已上三縣. *Nhu Viễn huyện nhất hương... Đường Lâm huyện nhất hương, Phúc Lộc huyện nhất hương, dĩ thượng tam huyện*. Rắc rối là ở các chữ “huyện nhất hương”. “Nhất hương” ở đây là một cụm danh từ có kết cấu “số từ + lượng từ”, lượng từ “hương” không phải là một đơn vị hành chính, mà chỉ một vùng đất chung chung. Đơn vị hành chính trong cụm “Đường Lâm huyện nhất hương” đã nằm trong chữ *huyện* rồi. Các sử gia đời sau vì một lẽ nào đó chỉ ghi là “Đường Lâm nhất hương”, khiến cho nhiều thế hệ dịch giả dịch thành “Đường Lâm, một làng”. Có lẽ câu chuyện đi tìm **làng Đường Lâm** từ đây mà ra.

Dù thế nào thì Đường Lâm và Phúc Lộc gần như luôn đi kèm với nhau, nếu biết Đường Lâm chính xác ở đâu thì xác định được vị trí tương đối của

Phúc Lộc và ngược lại. Xét sử ký Trung Hoa ghi chép các địa danh Phúc Lộc, có thể định vị được Phúc Lộc có thể nằm ở vị trí nào ngày nay.<sup>(89)</sup>

Tổng hợp những tư liệu về châu Phúc Lộc cho thấy, Phúc Lộc vừa là tên châu vừa là tên một huyện. Địa danh Phúc Lộc luôn có sự xuất nhập với Đường Lâm trong khi Nhu Viễn (sau đổi là An Viễn, hay An Vũ) ổn định lệ thuộc một trong châu này. Phúc Lộc cũng như Đường Lâm gần với quận Cửu Chân, thổ tục giống như vậy. Với những sử liệu và lập luận được sử dụng, bước đầu có thể tin rằng Phùng Hưng, Ngô Quyền, cũng như Ngô Chân Lưu là người châu Đường Lâm/Phúc Lộc. Đường Lâm này xuất nhập với châu Ái cho nên Lê Tắc mới cho rằng Ngô Quyền là người châu Ái. Vị trí chính xác của Đường Lâm này nằm ở đâu chúng tôi xin được đề cập đến trong bài viết khác, nhưng khả năng cao là châu Đường Lâm này khó có thể nằm ở Sơn Tây ngày nay, như chúng tôi đã chứng minh ở trên.

Qua những cứ liệu đã trình bày, chúng tôi tạm có một vài kết luận sơ bộ như sau:

1. Nếu tin Khuông Việt là người hương Cát Lợi, quận Thường Lạc thì cho đến hiện nay mới chỉ tìm thấy tên địa danh này sớm nhất là ở trong *Thái bình hoàn vũ ký* (thời Tống). Địa danh này sau đổi là huyện An Thuận, nằm ở đông nam châu Ái. Theo *Việt sử lược* và *Minh sử ký sự bản末* ít nhất địa danh này phải nằm ở phía nam Thanh Hóa gần khu vực Nghệ An ngày nay. *DVSKTT* có xác nhận địa danh Cát Lợi ở Bắc Giang, song đây có thể là do trùng danh. Và Cát Lợi (Bắc Giang), nay thuộc Sóc Sơn, với 5 cứ liệu văn bia từ thế kỷ XVII đến XX nếu có thì chỉ là nơi Khuông Việt tu tập trụ trì và quy tịch mà thôi.

2. Nếu tin Khuông Việt Ngô Chân Lưu là dòng dõi Ngô Thuận Đế và Ngô Thuận Đế chính là Ngô Quyền thì Ngô Chân Lưu là người châu Đường Lâm. Vị trí chính xác của châu Đường Lâm còn phải khảo chứng thực địa, bổ sung các cứ liệu về họ tộc, cư dân, phong tục, sản vật, ngôn ngữ bản địa, cũng như sự thờ cúng và tư liệu điền dã tại địa bàn Thanh Hóa ngày nay và các khu vực lân cận. Châu Đường Lâm vốn từng có tên châu Phúc Lộc (gồm ba huyện Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc), châu này nằm phía tây nam Ái Châu, gần gũi Trường Châu, về sau đã có lúc quy về Ái Châu. Cả hai địa danh Đường Lâm và Phúc Lộc sau đời Đường đều bỏ. Dù vậy, có thể khẳng định rằng quê của Ngô Quyền nằm loang quanh giữa vùng Thanh Hóa - Nghệ An<sup>(90)</sup> ngày nay mà khó có thể ở vị trí Sơn Tây (khi đó là huyện Gia Ninh của Phong Châu) được.

3. Trong suốt lịch sử từ đời Hán cho đến năm 1964, khu vực Sơn Tây không hề có châu hay huyện hay làng nào tên là Đường Lâm. Tên xã Đường Lâm tại Sơn Tây ngày nay mới xuất hiện từ năm 1964 (ngày 21 tháng 11).

Bài viết là một hành trình từ cổ sử Tàu qua cổ sử ta kết hợp với các tài liệu liên quan để có cái nhìn đồng đại và lịch đại nhằm soi tỏ vấn đề tưởng như đã không còn gì cần bàn cãi. Ở đây, chúng tôi chỉ muốn nhận định rằng, dù quê Đại sư Khuông Việt ở đâu thì đó cũng không phải là ở Sơn Tây (ngày nay). Bài viết được hoàn thành một phần dựa trên những gợi mở chúng tôi có



được từ các học giả trong và ngoài nước chính thức phát biểu qua những tham luận khoa học hay nhiều khi chỉ là câu chuyện lúc trà dư tửu hậu. Chúng tôi hy vọng trong thời gian sắp tới sẽ có dịp trở lại với chủ đề này.

*Bản thảo hoàn thành tại Nam Ninh, 21/2/2011,  
chính bản hoàn thành tại Hà Nội, tháng 3/2011*

**T N V - N T L - T T D**

## **CHÚ THÍCH**

- (1) Hiện nay có nhiều thuyết khác nhau về năm sinh của Ngô Chân Lưu. Đa phần tài liệu cho là năm 933; Lê Mạnh Thát cho rằng ông sinh năm 930; Nguyễn Công Lý cho là năm 932 [Nguyễn Công Lý, “Ý chỉ đoạn ngữ lục và bài kệ thị tịch của Khuông Việt thiền sư” (Kỷ niệm 1.000 năm ngày viên tịch của thiền sư). Trong Kỷ yếu *Quốc sư Khuông Việt và Phật giáo Việt Nam đầu kỷ nguyên độc lập* do Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức, tháng 3, năm 2011, tr. 121]. Chúng tôi tạm theo thuyết cuối cùng.
- (2) *Thiền uyển tập anh*, In niên hiệu Vĩnh Thịnh 11 đời Lê (1715), tr. 8b (bản số hóa).
- (3) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Ngô Đức Thọ dịch và chú, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998. Nội các quan bản, Chính Hòa 18 (1697), Bản kỷ, quyển 1, tr. 7a.
- (4) Những chi tiết này đã được chúng tôi phân tích kỹ hơn trong bài viết “Ánh xạ tín niệm dân gian vào sự thực lịch sử - trường hợp chỉ chân quê hương Khuông Việt Ngô Chân Lưu.” Chúng tôi tạm không nêu lại dẫn chứng và lập luận tại đây.
- (5) Hoàng Văn Lâu, “Đi tìm địa chỉ Ngô Chân Lưu”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 1 (26), 1996, tr. 53-54.
- (6) Hoàng Văn Lâu, bđd, tr. 54.
- (7) Ký hiệu 6943 - 44 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
- (8) Ký hiệu 6939 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
- (9) Phạm Thị Thùy Vinh, “Những văn bia ghi lại dấu tích và quê hương của Khuông Việt Đại sư”. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế *Quốc sư Khuông Việt và Phật giáo Việt Nam đầu kỷ nguyên độc lập*, sđd, tr. 285.
- (10) Ký hiệu 16184 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
- (11) Phạm Thị Thùy Vinh, bđd, tr. 286. Ngoài các văn bia liên quan đến quê hương Khuông Việt trên, tác giả Phạm Thị Thùy Vinh còn công bố bia *Sóc Sơn lễ tục kỷ đảo hội tịch thần tích cổ điển tập phổ tổng xã*, tạo năm Khải Định 6 (1921) hiện lưu tại đền Sóc, xã Phù Linh huyện Sóc Sơn và bia *Hoa Sơn tự bi* tạo năm Cảnh Hưng 43 (1782) ký hiệu 6394 - 95 đặt tại chùa Hoa Sơn, xã Chi Đông, huyện Kim Anh, tỉnh Phúc Yên, nay là chùa Hoa Sơn, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. Bia tại đền Sóc ghi về việc thần mộng của Khuông Việt. Còn bia Hoa Sơn ghi việc Khuông Việt từng tu hành đắc đạo tại chùa này. Việc Khuông Việt đã từng tu ở đâu, dựng bao nhiêu chùa, chúng tôi xin được đề cập đến trong một bài viết khác.
- (12) PGS, TS Nguyễn Quốc Tuấn trong hội thảo 1.000 năm ngày mất Khuông Việt đã tỏ ra nghi ngờ về thông tin Ngô Thuận Đế chính là Ngô Quyền. Trong điều kiện tư liệu hiện nay, chỉ có *TUTA* là tư liệu duy nhất nói rằng Ngô Chân Lưu là hậu duệ của Ngô Thuận Đế, và nhóm dịch giả Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga theo vốn liếng lịch sử dày dặn của mình mà chú rằng Ngô Thuận Đế chính là Ngô Quyền. Đây có lẽ là một phán đoán phù hợp vì trong các nhân vật họ Ngô trước thời Ngô Khuông Việt, hiện chỉ biết được có Ngô Quyền xứng đáng được gọi là “đế”. Vì đây là chứng cứ duy nhất trong điều kiện tư liệu hiện nay và không có tài liệu thư tịch cổ nào khác trái chiều hoặc phủ nhận điều này. Như thế, ta tạm thời vẫn có thể coi đây là một thông tin sử liệu có thể dùng được. PGS, TS Trần Ngọc Vương đã rất có lý khi cho rằng: “Nếu nghi ngờ mà gạt bỏ đi hết thì cơ hồ chẳng còn mấy tư liệu mà nghiên cứu cả.” (Trích lời phát biểu tại hội thảo đã dẫn ở trên).
- (13) Phả hệ họ Ngô <http://vietnamgiapha.com/XemPhaKy/5622/giapha.html> có dẫn tộc phả họ Ngô do Hán quốc công Ngô Lan biên soạn năm Đinh Dậu, triều Lê Thánh Tông (1477) [hiện nay chúng tôi chưa có điều kiện tiếp cận văn bản gốc của bản tộc phả này, vậy nên tạm thời dẫn theo nguồn như trên] đưa ra khẳng định Ngô Chân Lưu là dòng dõi Ngô Quyền cũng

có nghĩa là gián tiếp khẳng định danh xưng trên chính là chỉ Tiên Ngô Vương (tên gọi Ngô Quyền của sử gia đời sau). Trước khi có được tài liệu có tính khả tín cao hơn, chúng tôi đề xuất tạm chấp nhận tài liệu nêu trên.

- (14) Tại địa phương hiện chưa tìm thấy tháp của ông, tại chùa Trấn Quốc cũng vậy. Phải chăng, thời gian đã quá xa xôi để tháp của ông có thể tồn tại đến ngày nay qua bao binh lửa lịch sử?
- (15) Ông Nguyễn Hùng Vĩ có gợi ý cho chúng tôi về hướng nghiên cứu từ nguyên của địa danh Cát Lợi. Liệu có mối liên hệ nào không giữa địa danh Cát Lợi với một từ “cát lợi” mang một nội hàm Phật giáo nào đó. Với điều kiện kiến văn hiện tại còn hạn chế, chúng tôi tạm gác lại hướng này, mong các bậc thức giả có biết xin chỉ giáo cho.
- (16) *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1, Ngô Đức Thọ dịch chú, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 204. Nguyễn Văn Nội các quan bản, mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Bản kỷ, tr. 20b.
- (17) *Thiên Nam ngữ lục*, Nguyễn Thị Lâm phiên âm và chú giải, Nguyễn Ngọc San hiệu đính, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 2001.
- (18) Thái thú: Ý nói Ngô Mân làm chức “Châu mục bản châu”.
- (19) Nguyễn Chính Bình: một số sách sử khác như *Tân Đường thư*, *Cựu Đường thư* ghi là Cao Chính Bình.
- (20) Quan điểm Ngô Quyền là người châu Đường Lâm được cổ súy bởi nội chứng lịch sử Việt Nam ấy chính là vào thời Thập nhị sứ quân, một người bà con cùng họ của Ngô Quyền là Ngô Nhật Khánh (người mà *Việt sử lược* chép lầm là Trần Nhật Khánh) đã nổi dậy chiếm cứ Đường Lâm. Thuận lẽ là người có thế lực ở đâu mới có thể nổi dậy tiếm quyền tại đó. Dòng họ Ngô đời đời làm chức mục bản châu thì những người họ hàng ắt ít nhiều có thế lực. Cha Ngô Quyền lĩnh chức mục bản châu Đường Lâm là cơ sở để Ngô Nhật Khánh sau này xưng hùng tại địa phương. Hơn nữa, Dương Đình Nghệ lĩnh Ái Châu đã gả con gái cho Ngô Quyền, dựng Ngô Quyền làm tâm phúc. Theo chúng tôi, giai đoạn này việc thông hôn đồng thời cũng là một hình thức củng cố thế lực, liên kết các tù trưởng/hào trưởng địa phương. Không cơ sở gì một châu mục lớn như châu mục Ái Châu lại gả con gái và dựa vào một người không tên tuổi, không thế lực ở mãi Sơn Tây (lúc bấy giờ thuộc địa giới Phong Châu). Quan điểm quê hương Ngô Quyền ở đâu đó gần châu Ái có lẽ là có cơ sở sử liệu của nó.
- (21) Chỉ thời Nguyễn.
- (22) Phương Đình Nguyễn Văn Siêu, *Đại Việt địa dư toàn biên*, Tổ Phiên dịch Viện Sử học, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 1997, tr. 402. Nguyên bản ký hiệu VHv.1709/1-3, bản khắc in năm 1900.
- (23) Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1882), *Đại Nam nhất thống chí*, tập 4, Phạm Trọng Điềm dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, Nxb Thuận Hóa, Huế, 1997, tr. 188-189.
- (24) Đặng Xuân Bảng, *Việt sử cương mục tiết yếu*, Hoàng Văn Lâu dịch, chú, giới thiệu, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2000, tr. 48.
- (25) Sở dĩ nói ông là học giả đầu tiên vì lấy điểm nút cuối cùng là năm ông mất (1872) so với năm hoàn thành của *Đại Nam nhất thống chí* là 1882.
- (26) Tập quán dùng văn bia hay cú liệu khảo cổ học như một bằng chứng “không thể chối cãi” cho bất kỳ luận điểm lịch sử nào (ngay cả khi văn bia đó dựng hàng mấy trăm năm sau) là một phương pháp phổ dụng trong những năm qua. Hiện tượng này có thể thấy qua rất nhiều nghiên cứu lịch sử hiện nay. Ví dụ như, gần đây có một số nhà nghiên cứu căn cứ vào viên gạch đào được ở Hoa Lư có ghi mấy chữ “Đại Việt thành chuyên” để khẳng định nước ta vào đời Đinh chưa từng có tên nước là Đại Cồ Việt. Trong khi phương pháp C14 không thể cho biết chính xác khoảng thời gian trong vòng một hai trăm năm. Liệu đó có nhất thiết phải là gạch đời Đinh, Lê, tiền Lý hay là của các triều đại sau này trong rất nhiều lần trùng tu di tích?
- (27) Chúng tôi tìm khắp trong *Tứ khố toàn thư* cũng không tìm thấy quyển nào có tên là *Đường địa lý*. Có lẽ đây chỉ là cách gọi chung của Nguyễn Văn Siêu về những sách có biên chép về địa lý đời Đường. Hoặc giả sách đó có thật nhưng tại Trung Quốc từ lâu đã bị mất hay số kiến của chúng tôi còn quá hẹp hòi.
- (28) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2005 (tái bản), tr. 110.

- (29) *Tân Đường thư* chép: “Phong Châu có các huyện Gia Ninh, Tân Xương. Gia Ninh có núi Tân Viên. Tân Xương có Kim Khê”. Đặng Xuân Bảng sau khi dẫn đoạn trên đã chua: “Nay (Thế kỷ XIX) các đất phủ Lâm Thao, Quảng Oai của Sơn Tây cùng phủ Yên Bình của Tuyên Quang, phủ Tông Hóa của Thái Nguyên đều là đất Phong Châu xưa”, Đặng Xuân Bảng, Sđd, tr. 46.
- (30) H. Maspéro, “La Géographie politique de l’Annam sous les Lý, les Trần et les Hồ” (Nghiên cứu về địa lý lịch sử thời Lý, Trần, Hồ), *BEFEO*, XVI, chuyển dẫn theo Đào Duy Anh, Sđd, tr.120. Theo H. Maspéro, phủ Đại Thông bao gồm miền Sơn Tây, Hưng Hóa, ở phía tây sông Hồng.
- (31) Đào Duy Anh, Sđd, tr.138-139. “Huyện Long Bạt: *Nhất thống chí* (Sơn Tây) chép rằng huyện Bất Bạt vốn là đất lộ Tam Giang, đời Trần về trước là huyện Lũng Bạt, nhà Minh vẫn theo. Nhưng *Thiên hạ quận quốc* chép rằng chính nhà Minh đổi Long Bạt làm Lũng Bạt.”
- (32) Đào Duy Anh, Sđd, tr. 180-181. Những khảo sát trên đây cho thấy những ghi chép diên cách địa lý về Sơn Tây cần phải hiệu chỉnh lại khá nhiều. Ví như: *Sơn Tây quận huyện bị khảo* ghi: “Huyện Phúc Thọ xưa là Đường Lâm, các triều Lý Trần cũng theo như thế”. Chuyển dẫn theo *Huyện Phúc Thọ-làng xã và những di sản văn hóa* (T1: Di sản Hán Nôm), Nguyễn Xuân Diện chủ biên, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2010, tr. 34. *Sơn Tây tỉnh chí* ghi: “Đền Bó Cái Đại Vương: ở địa phận xã Cam Lâm huyện Phúc Thọ, thời cổ gọi là Đường Lâm”, chuyển dẫn theo Nguyễn Xuân Diện, Sđd, tr. 31.
- (33) “甘蔗甲人献玄鹿 Đinh Dậu, /Hội Tường Đại Khánh/ năm thứ 8 [1117], (Tổng Chính Hòa năm thứ 7)... người giáp Cam Giá dâng hươu đen”, *ĐVSKTT*, Sđd, tr. 17a.
- (34) Xin xem nguyên bản ký hiệu A.570/1-2 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm). Xin xem thêm *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX (Các trấn tổng, xã danh bị lãng)*, Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.
- (35) *Văn Uyên các Tú khổ toàn thư - Thông điển*, quyển 184, Đài Bắc Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1983, chép (dịch nghĩa): “An Nam đô hộ phủ, phía đông đến cảnh giới huyện Chu Diên đường thủy đi 500 dặm. Phía nam đến cửa sông A Lao thuộc cảnh giới huyện Chu Diên đường thủy đi 149 dặm. Phía tây đến cảnh giới quận Cửu Chân đường thủy đi 415 dặm. Phía bắc đến nguồn sông của cảnh giới huyện Vũ Bình 250 dặm. Phía đông nam đến cảnh giới huyện Chu Diên 500 dặm. Phía tây nam đến cảnh giới quận Văn Dương đường thủy đi 150 dặm. Phía tây bắc đến Giang Trấn huyện Gia Ninh thuộc quận Thừa Hóa 150 dặm. Phía đông bắc đến huyện Giao Chỉ 10 dặm. Cách Tây Kinh 7.253 dặm, cách Đông Kinh 7.225 dặm. Hộ: 24.730, khẩu: 99.650. Phủ An Nam, nay trị ở huyện Tống Bình. Thời Tấn thuộc Tượng Quận. Thời Hán là cảnh giới hai quận Giao Chỉ, Nhật Nam, nay là đất của người Di phương nam, chân của họ đại khái mở rộng ra, nếu đem chân đứng dậy, ngón chân liền giao nhau, cho nên tên là Giao Chỉ. Nhà Hậu Hán theo đó, đặt ra Giao Châu. Lĩnh 7 quận, trị ở đó. Nhà Tấn, Tống, Tề đều theo đó. Thời Tấn lĩnh 7 quận, thời Tống lĩnh 8 quận, thời Tề lĩnh 9 quận, đều trị ở đó. Nhà Lương, Trần theo đó. Nhà Tùy dẹp nhà Trần, quận bỏ, đặt ra Giao Châu. Đầu thời Dương Đế, châu bỏ, đặt ra quận Giao Chỉ. Nhà Đại Đường là Giao Châu, sau đổi là An Nam đô hộ phủ. Lĩnh 7 huyện: Tống Bình. Nhà Tống đặt quận Tống Bình tại đây. Chu Diên. Thời Ngô là huyện Quân Bình. Trước đặt ra quận Vũ Bình. Diên, dĩ truyền phiến. Long Biên. Huyện cũ thời Hán. Thái Bình. Giao Chỉ. Thời Hán thuộc đất huyện Long Biên Vũ Bình. Huyện cũ thời Ngô. Bình Đạo. Nhà Tề đặt ra huyện Xương Quốc.
- (36) Nguyễn Tùng, nhà lịch sử nhân loại học xuất sắc người Việt hiện đang làm việc tại Trung tâm Nghiên cứu khoa học Pháp (CNRS). Trong khuôn khổ chương trình hợp tác nghiên cứu khoa học về các biến đổi của làng xã ở đồng bằng Bắc Bộ giữa CNRS và Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (nay là Viện Khoa học Xã hội Việt Nam), ông cùng các đồng nghiệp đã tiến hành hai cuộc điền dã ở Đường Lâm (5/6/1990 và 10/11/1991). Kết quả được trình bày trong cuốn *Mông Phụ, un village du delta du fleuve Rouge*, được dịch sang tiếng Việt với tựa đề *Mông Phụ, một làng ở đồng bằng sông Hồng*, do Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, xuất bản năm 2003.
- (37) Khi viết bài này, chúng tôi chưa có điều kiện để tìm được văn bản chính thức của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tạm thời, chúng tôi tin vào cứ liệu do tác giả Nguyễn Tùng đưa ra.
- (38) Trần Quốc Vượng, “Về quê hương Ngô Quyền”, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 101, 8/1967, tr. 60-62.

- (39) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1964, tr. 84.
- (40) Văn Tân, “Vài sai lầm về tài liệu của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*”, tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 93, 12/1966, tr.31-32.
- (41) Nguyễn Minh Tường, “Hai tấm bia ở xã Đường Lâm - thị xã Sơn Tây viết về Phùng Hưng và Ngô Quyền”, trong *Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng khu di tích lịch sử văn hóa Đường Lâm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 30-43. Tác giả viết: “Tấm bia Quang Thái thứ 3 (1390) này được khắc vào cuối đời Trần (1225-1400), tức là sau thời gian xuất hiện của bộ sách *Việt điện u linh* (1329) khoảng trên 50 năm. Có thể đó là những văn bản đầu tiên ghi chép về sự tích của hai vị anh hùng dân tộc cùng quê ở Đường Lâm là Phùng Hưng và Ngô Quyền”, Sdd, tr. 42.
- (42) Vũ Duy Mẫn, “Tấm bia Quang Thái (1390) đời Trần tại đình Phùng Hưng, làng Cam Lâm, xã Đường Lâm”, trong *Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng khu di tích lịch sử văn hóa Đường Lâm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2005, tr. 44-47.
- (43) Cảnh Huệ Linh 耿慧玲, *Phùng Hưng khảo 馮興考, Việt Nam sử luận - Kim thạch tư liệu chi lịch sử văn hóa tỷ giáo 金石資料之歷史文化比較*, Tân Văn Phong xuất bản công ty, Đài Loan, 2004, tr. 201-224. Cảnh Huệ Linh cho rằng *Phụng tự bi* không phải là bia Trần mà là văn bia đời Lê, văn bia *Phụng tự bi* ký là bia Hồng Đức. Tài liệu do ThS Phạm Văn Tuấn cung cấp. Nhân đây xin chân thành cảm ơn.
- (44) Nguyễn Tùng (chủ biên). *Mông Phụ một làng đồng bằng sông Hồng*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2003, tr. 31.
- (45) Ngụy tạo văn bia là hiện tượng phổ biến trong thực tế lịch sử. Về vấn đề này xin xem Nguyễn Văn Nguyên, *Khảo sát giám định niên đại thạc bản văn bia*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2007.
- (46) Những tri thức này chúng tôi có được từ một số năm được làm việc cùng các anh Lê Quốc Việt, Nguyễn Quang Thắng, Nguyễn Đức Dũng, Phạm Văn Tuấn trong nhóm thư pháp Tiên vệ Zenei Gang of Five. Lê Quốc Việt từng đưa ra nhận định như sau về lịch sử thư pháp Việt Nam: “Kiểu sức là đặc điểm của thư pháp thời Nguyễn đồng thời là dấu son đẹp để chấm dứt nghệ thuật thư pháp nước nhà trước khi Việt Nam chuyển đổi văn tự. Đinh chuộng 意, Lý chuộng vận 運, Trần chuộng luật 律, Lê chuộng pháp 法, Mạc chuộng biến 變, Nguyễn chuộng kỹ 技 là tổng quan về lịch sử thư pháp Việt Nam”. Xin xem Zenei Gang of Five, *Script-Chữ-Thư pháp tiên vệ* (catalogue), Thọ Studio, Hà Nội, 2007. Phương pháp giám định này hiện gần như bị các nhà sử học bỏ qua. Đối với các chuyên gia bi ký và Hán học chuyên sâu của Viện Nghiên cứu Hán Nôm tuy phương pháp này chưa được thành văn nhưng nó là sự đúc kết kinh nghiệm và nghiên cứu thực địa nhiều năm mà không người nào không trực tiếp xử lý văn bia nguyên gốc lại có được. Hy vọng, trong một tương lai gần, phương pháp này sẽ được coi là một trong những cứ liệu tin cậy giúp xác định niên đại văn bia.
- (47) *Phụng tự bi*. Ký hiệu 36002 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
- (48) Nguyên bản văn bia đã bị vỡ mất chữ Tự trong Tự Đức, thế nhưng Nguyễn Minh Tường, Cảnh Huệ Linh với tín niệm về một bia niên đại sớm đã đoán nó là niên hiệu Hồng Đức, và xác định bia này khắc năm 1473. (Nguyễn Minh Tường, bđd, tr. 42). Xin xem thạc bản ký hiệu số 36003 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
- (49) Xin xem thêm Đào Duy Anh, Sdd, tr. 180-181.
- (50) Theo *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, lời căn án có ghi rằng đời Lê Sơ, phủ Quốc Oai vẫn có huyện Phúc Lộc. (Xem Viện Sử học, *Nguyễn Trãi toàn tập*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 220). Cảnh Huệ Linh có lẽ cũng dựa vào chi tiết này để xác định tấm bia thuộc về thời Lê Sơ. Nay xin cải chính.  
Xin bàn thêm: Về mặt lý thuyết thì đúng là có hai khả năng để giải thích cho địa danh Phúc Lộc. Một là Phúc Lộc đời Lê; hai là Phúc Lộc đời Gia Long-Minh Mệnh. Tuy nhiên, phong cách thư pháp, văn tự, kiểu dáng văn bia không cho phép nghĩ đây là bia đời Lê.
- (51) Ký hiệu bia 36004 (Viện Nghiên cứu Hán Nôm).
- (52) Đặng Xuân Bảng, *Việt sử cương mục tiết yếu*, Sdd, tr. 48.
- (53) Trần Quốc Vượng, bđd, tr. 60.
- (54) Trần Quốc Vượng, “Đường Lâm dưới góc nhìn địa-văn hóa-lịch sử”, *Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng khu di tích lịch sử văn hóa Đường Lâm*, Sdd, tr. 150-151.

- (55) Đào Duy Anh, *Đất nước Việt Nam qua các đời*, Sdd.
- (56) Văn Tân, “Vài sai lầm về tài liệu của bộ *Đại Việt sử ký toàn thư*”, bdd.
- (57) Bùi Văn Nguyên, chưa rõ căn cứ vào tài liệu nào, để khẳng định rằng: “Tăng Thống Ngô Chân Lưu, họ Ngô, người Chân Định, Nam Chân”. Chuyển dẫn theo Hoàng Văn Lâu, “Đi tìm địa chỉ Ngô Chân Lưu”, bdd, tr. 53-54.
- (58) Nguyễn Huệ Chi, *Từ điển văn học* (bộ mới), Nxb Thế giới, Hà Nội, 2004.
- (59) *Văn Uyên các Tứ khố toàn thư - An Nam chí lược*, Đài Bắc Đài Loan thương vụ ấn thư quán, 1983.
- (60) Lê Tắc, sdd, tr. 53.
- (61) Lê Tắc, sdd, tr. 225.
- (62) Lê Tắc, sdd, tr. 225.
- (63) Lê Tắc, sdd, tr. 226.
- (64) Lê Tắc, sdd, tr. 65.
- (65) “Tắc người An Nam, dòng dõi của Nguyễn Phu, Thứ sử Giao Châu đời Đông Tấn. Đã nhiều đời ở Ái Châu, tăng tổ tên Khôn..., ông nội trên Trung, cha tên Viễn Vọng...”. Lê Tắc, *An Nam chí lược*, Tự tự, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2002. tr. 348.
- (66) Về luận điểm này, chúng tôi xin bàn thêm ở phần sau.
- (67) Lý Tế Xuyên, *Việt điện u linh tập*, Đinh Gia Khánh - Trịnh Đình Rư dịch chú, Trần Nghĩa giới thiệu. Trong *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, Tập 1: dịch từ bản A. 751, Nxb Thế giới, Hà Nội, 1997, tr. 60. *Việt điện u linh tập*, bản A.47, (Viện Nghiên cứu Hán Nôm), tr. 4b-5a, bản dịch đã công bố ghi hơi khác: “Theo sách *Giao Châu ký* của Triệu Vương, thì Vương họ Phùng tên là Hưng. Đời đời cha truyền con nối làm Tù trưởng Biên khố ở **châu Đường Lâm** gọi là Quan lang... Theo kế của Đỗ Anh Luân (còn viết là Hàn), người đất Đường Lâm, họ Tuấn đem quân đi tuần hành ở các châu Đường Lâm, Trường Phong, các nơi ai nấy đều theo.”
- (68) *Văn Uyên các Tứ khố toàn thư - Việt sử lược*, quyển thượng, Sdd, ghi: 十二使君矯三制名公 桿據峯州阮太平名寬一名記據阮家陳公覽名日慶據唐林 “Mười hai sứ quân: Kiều Tam Chế, tên là Công Can, chiếm lấy Phong Châu. Nguyễn Thái Bình, tên là Khoan, một tên nữa là Kỳ, chiếm lấy Nguyễn Gia. Trần Công Lâm, tên là Nhật Khánh, chiếm lấy Đường Lâm”.
- (69) Điều này ít nhiều có thể “điểm danh chỉ mặt” qua các tư liệu văn hiến cổ nhất của Việt Nam còn lại đến nay đều thuộc về các hiện vật của Thanh Hóa, như văn bia *Đại Tùy Cửu Chân đạo tràng*, bia *Thanh Mai*, 40 kinh tràng trong số 200 kinh tràng do Đinh Liễn lập và Khuông Việt Ngô Chân Lưu làm chủ tế. Về bối cảnh văn hóa của giai đoạn này xin xem thêm Trần Trọng Dương, “Khảo về ĐẠI CỔ VIỆT- nước Việt- nước Phật giáo”, Tạp chí *Hán Nôm*, số 02, năm 2009.
- (70) Khi viết phần này chúng tôi tham khảo khá nhiều ở cuộc trao đổi của hai ông Lê Hải Nam và Tích Dã trên mạng *Việt học.org* về vấn đề quê hương Ngô Quyền, những chỉ dẫn của các ông đã giúp chúng tôi rất nhiều trong quá trình tư duy và khảo xét tài liệu. Nhân đây xin chân trọng cảm ơn. Toàn bộ các sách trình bày ở dưới chúng tôi sử dụng bản in *Văn Uyên các Tứ khố toàn thư*, Sdd. Bản gốc các tài liệu đã sử dụng in trong bài có được là do sự giúp đỡ nhiệt tình của ông Nguyễn Phúc Anh, giảng viên Hán Nôm, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, nhân đây xin chân thành cảm ơn.
- (71) Trường An.
- (72) Lạc Dương.
- (73) *Tân Đường thư và Cựu đường thư*, Thái Bình hoàn vũ ký đều ghi là Lạc 落, Lê Hải Nam dịch là “bộ lạc”. Theo ngữ âm Nam Choang (tiếng Choang chia làm hai loại là Bắc Choang và Nam Choang, Nam Choang gần với tiếng các dân tộc phía bắc Việt Nam như Nùng, Tày, Mường hơn là Bắc Choang) thì chữ “Lạc” này tương thông với chữ Lạc viết là 雜 hoặc 洛, đều là cách dùng âm chữ Hán để ghi cổ âm Nam Choang, nếu đọc theo phiên âm quốc tế hiện giờ là [luk] chỉ một tập hợp người sinh sống trong một thung lũng nơi có dòng nước chảy qua, quy mô tương đương với một thôn hoặc chưa đến một thôn bây giờ, khoảng năm bảy hộ mà thôi. Nếu hiểu như vậy thì 7.000 lạc ở đây là 7.000 nhóm dân cư thuộc về các bộ lạc như Côn Minh, Bắc/Tỷ Lâu. Riêng về chữ Sinh Lão 生獠, theo chỉ dẫn của một số bạn đồng nghiệp Trung Quốc, có một cách hiểu khác nên được tham khảo là hai chữ nói trên không phải là tên danh xưng của bộ lạc, theo ngữ âm Nam Choang và tập quán dân tộc này cho đến ngày

nay thì chữ “lão 獠” trong “sinh lão 生獠” là cách ghi âm bằng Hán ngữ âm [rau] có nghĩa là người, Sinh Lão không phải tên bộ lạc mà là những người thổ cư gia nhập hộ tịch. Như vậy câu trên có lẽ phải được dịch là “Trí Châu Thứ sử Tạ Pháp Thành chiêu dụ bảy nghìn lạc dân thổ (tức dân miền núi) Côn Minh, Bắc Lâu”.

Phần luận giải liên quan đến ngữ âm Nam Choang chúng tôi căn cứ trên những thành tựu nghiên cứu của các học giả Trung Quốc tại Khu tự trị dân tộc Choang, đặc biệt là qua nhiều trao đổi với ThS Hứa Hiểu Minh, chủ nhiệm Trung tâm Nghiên cứu dân tộc Choang, Viện Văn hóa Nghệ thuật tỉnh Quảng Tây và GS Phan Kỳ Húc, nhà Choang học, Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây. Tiếc là đến nay, chưa có bộ từ điển Choang - Hán nào được thực hiện dựa trên tiếng Nam Choang nên chúng tôi không có căn cứ văn hiến để khảo xét mà chỉ kết hợp tri thức từ các học giả và kết quả nghiên cứu điền dã tại tỉnh Quảng Tây để đưa ra giả thuyết cho rộng đường tham khảo. Rất mong được các học giả ngôn ngữ học chỉ chính.

- (74) Câu này ông Tích Dã và nhiều học giả trước đó thống nhất dịch là: “...chiêu dụ hơn bảy nghìn bộ lạc Sinh Liêu, Côn Minh, Bắc/Tý Lâu”. Xin xem thêm các cứ liệu trình bày ở dưới.
- (75) *Tân Đường thư* và *Cựu Đường thư* đều ghi là Bắc Lâu. Hai chữ này tự dạng dễ lẫn với nhau.
- (76) *Tân Đường thư* chép là “tử cốc”.
- (77) Phía nam Nghĩa An (tức Nghệ An ngày nay).
- (78) Hậu thân của nước Lâm Ấp ngày trước.
- (79) Thuộc khu vực đảo Hải Nam.
- (80) Nguyên bản viết lầm thành Đường Đỗ quận 唐杜郡.
- (81) Người man cũng như người thổ đều chỉ dân miền núi, chưa nhập hộ tịch.
- (82) Trường Châu nằm gần Ái Châu, có thổ tục giống Ái Châu nhưng ở gần phủ thành An Nam đô hộ phủ hơn, dân cư chủ yếu là người man. Vào thời Đường thì đất đai Trường Châu và Đường Lâm nhập vào Ái Châu. Chính vì vậy nên *Đại Việt sử ký toàn thư* chép Lê Hoàn là người Ái Châu, còn *Đại Việt sử lược* lại chép Lê Hoàn là người Trường Châu. Chúng tôi đồng ý với lập luận của ông Lê Hải Nam (trong phần trao đổi với ông Tích Dã về chủ đề: Quê hương Ngô Quyền thực sự ở đâu? trên mạng *Việt học.org* như đã nêu trên) thì qua *Độc sử phương dư kỷ yếu*, tài liệu đã dẫn có thể cho ta biết vị trí Phúc Lộc sau khi bị phế là huyện Nga Lạc (thời Minh, Thanh), là nơi “quan tuần kiểm Nga Lạc là Lê Lợi làm phản”. Vậy huyện Nga Lạc này nằm ngay trên vị trí của cả Phúc Lộc và Trường Châu, quê của Lê Lợi tức bao gồm huyện Ngọc Lạc và Thọ Xuân hiện nay, vào thời Đường thì Nga Lạc phần bắc thuộc Trường Châu, phần nam thuộc Phúc Lộc (chú theo Lê Hải Nam).
- Đặng Xuân Bảng thì xác định Trường Châu chính là phủ Yên Khánh và Nho Quan tỉnh Ninh Bình vào cuối thế kỷ XIX, Đặng Xuân Bảng, Sđd, tr. 46. Tuy nhiên, thông tin này cần phải khảo lại một cách cụ thể.
- (83) Đây có lẽ đều là tên do người Hán đặt để gọi các dân tộc bản địa này. Cụ thể là chỉ những dân tộc nào tương ứng với cách gọi hiện nay, thì cần phải tiếp tục nghiên cứu trong thời gian tới.
- (84) Bản thân Đỗ Anh Hàn (có bản chép là Luân), thủ hạ của Phùng Hưng cũng là một dạng tù trưởng như vậy. Xin xem *Tân Đường thư*, quyển 170.
- (85) Chỉ chung cho những tộc người từ phương Bắc (tức Trung Quốc) di cư xuống đây, không nhất thiết chỉ có dân tộc Hán.
- (86) Có bản *Tân Đường thư* ghi các lạc ở đây là hộ, vùng này chỉ có 317 hộ, khoảng 1.500 khẩu. Điều này cổ vũ thêm cho lập luận về chữ “lạc” của chúng tôi ở trên.
- (87) *Đại Việt sử ký toàn thư*, Sđd, tr. 6a.
- (88) So sánh với sử liệu Trung Hoa như *Cựu Đường thư*, *Tân Đường thư* mà chúng tôi dẫn ở trên, thì thông tin này khá trùng khít. Các sách ấy đều ghi châu Phúc Lộc (có khi được đổi thành châu Đường Lâm) bao gồm ba huyện Nhu Viễn, Đường Lâm và Phúc Lộc.
- (89) Đào Duy Anh cho rằng Đường Lâm thuộc Nghệ An ngày nay. Lập luận chủ yếu của ông như sau: “Theo *Giã Đàm ký* (sic) thì từ Hoan Châu đi về phía đông, hai ngày đến huyện Nhu Viễn châu Đường Lâm. Địa thế huyện Nhu Viễn và châu Đường Lâm như thế là ở miền Hoàng Sơn. Châu Phúc Lộc phải ở về miền thượng du, phía tây Hà Tĩnh. *Thái bình hoàn vũ ký* nói

từ Hoan Châu đi về phía đông theo dọc biển đến châu Phúc Lộc là 102 dặm. Có thể là châu Phúc Lộc gồm cả miền nam Hà Tĩnh và miền Quy Hợp Ngọc Ma ở phía tây Hoàng Sơn.” Xem Đào Duy Anh, Sđd, tr. 102. “*Giã Đam ký*” mà Đào Duy Anh trích có lẽ là sách *Trình Nguyên thập đạo lục* 貞元十道錄 của Giã Đam 賈耽 và La Chấn Ngọc 羅振玉, sách in năm Dân quốc thứ 2 (1913).

Hơn nữa, cũng trong *Đại Việt sử ký toàn thư* có kể chuyện Ngô Nhật Khánh sau chạy sang Chiêm Thành, tới cửa Nam Giới (Hà Tĩnh) đã đuổi vợ về (vợ Khánh là con gái Đinh Tiên Hoàng), điều này chứng minh Đường Lâm phải không xa Hà Tĩnh (và Chiêm Thành). Nếu Đường Lâm ở Sơn Tây thì tính theo địa lý, không lẽ lại chạy xa và tới một nơi hoàn toàn xa lạ như thế. Cũng theo *Tân Đường thư* thì châu Đường Lâm phía tây nam giáp hai nước là Đường Minh và Chiêm Thành. Như vậy, ở đây xuất hiện hai châu Đường Lâm. Một châu ở tây nam Ái Châu, thổ tục giống Ái Châu, có thời gian xuất nhập với Ái Châu và một châu ở phía nam Hoan Châu, giáp với Đường Minh và Chiêm Thành. Trong một khoảng thời gian ngắn như vậy, khó có thể xuất hiện cùng lúc hai địa danh giống nhau với quy mô tương đương nhau như vậy. Rõ ràng, một trong hai sử liệu là có vấn đề. Vấn đề sẽ được giải quyết khi xác định vị trí của Đường Lâm và Phúc Lộc (chưa theo Lê Hải Nam).

Ở đây, vì không gian của một bài viết là khá hạn hẹp, chúng tôi xin không trích lại những tài liệu chỉ liệt kê châu Phúc Lộc như một trong số các châu của vùng Lĩnh Nam xưa như sách: *Nguyên Phong cứu vục chí*, quyển 10, Quảng Nam lộ; *Văn hiến thông khảo*, quyển 323 chỉ chép Phúc Lộc châu tam huyện (châu Phúc Lộc có 3 huyện); *Khâm định tục văn hiến thông khảo*, quyển 333; *Thái Bình ngự lãm*; Mục lục nhị, *Thái Bình ngự lãm*, quyển 172, *An Nam đô hộ phủ* v.v... Tạm nêu ra ở đây để các bậc thức giả tìm đọc được dễ dàng.

- (90) Ngoài ra, cũng phải tham khảo ý kiến của Đào Duy Anh, từ đó mở ra một hướng khác là đi tìm dấu vết Đường Lâm ở nơi có dòng dõi nhà Ngô ở Trảo Nha (nay là thị trấn Nghèn, Can Lộc, Hà Tĩnh), nằm ở phía nam Hoan Châu, giáp với Đường Minh và Chiêm Thành (nên mới có ý kiến cho Đường Lâm ở vị trí Hà Tĩnh ngày nay). Xin tham khảo thêm bài viết nói về Ngô Quyền sinh ra và quê quán ở Can Lộc, Hà Tĩnh đăng trên báo *Văn nghệ*, Số 33 ra ngày 16/8, năm 1997. Tư liệu cổ: *Ngô tướng công đường ký* 吳相公堂記 do Nguyễn Thuận Phu và Vũ Quang Đại soạn, niên đại Khánh Đức 3 (1651) ở nhà thờ họ Ngô, Trảo Nha, Can Lộc, Hà Tĩnh.

## TÓM TẮT

Địa danh Đường Lâm ở Sơn Tây, Hà Nội hiện nay là một cái tên rất nổi tiếng. Đây được xem là “ngôi làng” đầu tiên được xếp hạng quần thể di tích cấp quốc gia, là đất phát tích hai vua (Phùng Hưng và Ngô Quyền), là quê hương của Đại sư Khuông Việt Ngô Chân Lưu-một trong những nhân vật kiệt xuất của lịch sử Việt Nam vào thế kỷ X-XI. Trong quá trình đi tìm quê hương của Khuông Việt Đại sư-một vấn đề còn chưa giải quyết thỏa đáng-các tác giả bài viết phát hiện ra rằng, trong suốt lịch sử từ thời Bắc thuộc cho đến trước năm 1964, khu vực Sơn Tây chưa hề có một đơn vị hành chính nào mang tên Đường Lâm. Từ đây, các tác giả đưa ra nhận định bước đầu rằng, dù quê hương của Khuông Việt Đại sư ở đâu thì đó cũng không phải là Sơn Tây, Hà Nội ngày nay.

## ABSTRACT

### WHERE IS THE EXACT ĐƯỜNG LÂM VILLAGE? (TRACING THE NATIVE VILLAGE OF ZEN MASTER KHUÔNG VIỆT)

Đường Lâm village in Sơn Tây, Hà Nội is a famous place-name in the North of Vietnam. It is considered the first “village” to be classified as the national relic complex and the native village of two kings Phùng Hưng and Ngô Quyền as well as Zen master Khuông Việt, one of the prominent figures in the history of Vietnam in the 10th and the 11th centuries.

However, there is an unsolved question during the course of tracing the native village of Zen master Khuông Việt. The authors find out that during the history of Vietnam, from the period of Chinese domination till 1964, there has not been any administrative unit called Đường Lâm in the region of Sơn Tây. As a result, the authors make an initial remark that wherever the native village of Zen master Khuông Việt is, it cannot be in Sơn Tây, Hà Nội.